

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP
---□□□---



BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

Mã số: 7810103

(Ban hành theo quyết định số 613a/ĐHKTKTCN ngày 26/8/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp)

Hà nội – 2022

MỤC LỤC

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo	3
1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo	3
1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo	3
2. Mục tiêu của chương trình đào tạo	3
2.1. Sứ mạng, tầm nhìn phát triển, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của Nhà trường	4
2.2 Sứ mạng, tầm nhìn của Khoa	4
3. Chuẩn đầu ra.....	5
3.1. Kiến thức.....	5
3.2. Kỹ năng.....	6
3.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm	6
3.4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp.....	6
3.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	7
3.6. Các chương trình, tài liệu, chuẩn đã tham khảo	7
4. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo	7
5. Tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp.....	8
5.1 Thông tin tuyển sinh	8
5.2. Điều kiện tốt nghiệp.....	8
6. Phương pháp giảng dạy và học tập	8
6.1. Các phương pháp dạy và học áp dụng trong Chương trình đào tạo	8
6.2. Ma trận tích hợp chuẩn đầu ra của CTĐT và phương pháp dạy – học.....	10
7. Phương pháp kiểm tra, đánh giá.....	10
7.1. Các hình thức đánh giá	10
7.2 Điểm đánh giá học phần	11
8. Cấu trúc chương trình đào tạo	12
8.1. Khối lượng kiến thức toàn khoá	12
8.2. Nội dung chương trình đào tạo	12
8.3. Kế hoạch giảng dạy dự kiến.....	16
9. Ma trận đóng góp của các học phần theo yêu cầu năng lực của chuẩn đầu ra.....	19

10. Sơ đồ cấu trúc chương trình đào tạo.....	25
11. Mô tả tóm tắt học phần	26
12. Đối sánh chương trình đào tạo	50
12.1. Đối sánh chuẩn đầu ra với Khung trình độ quốc gia Việt Nam.....	50
12.2. Đối sánh khung chương trình đào tạo.....	51
13. Hướng dẫn thực hiện	61
13.1. Nguyên tắc chung	61
13.2. Kế hoạch đào tạo.....	62



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo quyết định số 613a/ĐHKTKTCN ngày 26/8/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp)

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp được xây dựng theo định hướng ứng dụng với mục tiêu cử nhân Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có trách nhiệm với xã hội; nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế, chính trị, xã hội; nắm vững kiến thức và kỹ năng chuyên môn về dịch vụ du lịch lữ hành và kỹ năng thực hành nghề nghiệp; thiết kế và điều hành dịch vụ du lịch lữ hành trong các loại hình DN, đơn vị; có tư duy độc lập; có năng lực nghiên cứu tự bổ sung kiến thức đáp ứng yêu cầu công việc.

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

1	Tên chương trình đào tạo:	Cử nhân Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
2	Trình độ đào tạo:	Đại học
3	Ngành đào tạo:	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
4	Mã số:	7810103
5	Thời gian đào tạo	4 năm
6	Loại hình đào tạo:	Chính quy
7	Tên văn bằng tốt nghiệp	Cử nhân
8	Đơn vị cấp bằng:	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp
9	Ngày tháng ban hành/cập nhật:	26/08/2022

2. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mục tiêu của chương trình được xây dựng phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn phát triển, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp nhằm bồi dưỡng con người và phát triển nghiên cứu khoa học định hướng ứng dụng đáp ứng các nhu cầu xã hội.

2.1. Sứ mạng, tầm nhìn phát triển, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của Nhà trường

2.1.1. Sứ mạng

Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp là cơ sở giáo dục đại học định hướng ứng dụng hoạt động theo cơ chế tự chủ, thực hiện các chức năng giáo dục – đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng đáp ứng mục tiêu xã hội và yêu cầu Công nghiệp hóa – Hiện đại hóa đất nước.

2.1.2. Tầm nhìn phát triển

Đến năm 2030 trở thành trường đại học định hướng ứng dụng uy tín, nằm trong nhóm các trường đại học ứng dụng hàng đầu của cả nước

2.1.3 Giá trị cốt lõi

Phát triển bền vững, coi trọng chất lượng, hiệu quả, luôn tự đổi mới, đáp ứng nhu cầu xã hội. Lấy mục tiêu phát triển bền vững là nền tảng; Chất lượng, hiệu quả là mục tiêu hướng tới; Đổi mới, đáp ứng nhu cầu xã hội là phương châm hành động.

2.1.4. Triết lý giáo dục

“Học tập để kiến tạo tương lai”

2.2 Sứ mạng, tầm nhìn của Khoa

2.2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành phát triển một cách toàn diện về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm; nắm vững kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị, pháp luật; có trình độ công nghệ thông tin và ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu công việc; nắm vững kiến thức chuyên sâu về quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành phù hợp với sự phát triển và hội nhập của ngành du lịch; có kỹ năng nghiệp vụ thành thạo, làm việc độc lập, sáng tạo; có khả năng tự học và thích nghi với sự thay đổi của môi trường làm việc.

2.2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.2.1 Về kiến thức

MT1: Đào tạo người học những hiểu biết về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, công nghệ thông tin, ngoại ngữ vào thực tiễn nghề nghiệp và cuộc sống;

MT2: Hiểu biết kiến thức cơ sở kinh tế, quản trị và tài chính làm tiền đề tiếp thu kiến thức chuyên sâu về kinh doanh du lịch như: địa lý du lịch; quản trị chiến lược trong kinh doanh du lịch, quản trị tài chính du lịch, nghiệp vụ hướng dẫn, quản lý điểm đến du lịch, tổ chức và điều hành tour, quản trị kinh doanh khách sạn, quản trị lễ tân, ... vận dụng vào giải quyết các vấn đề về kinh tế và quản lý của ngành dịch vụ du lịch và lữ hành.

2.2.2.2 Về kỹ năng

MT3: Đào tạo người học thành thạo các kỹ năng nghiệp vụ trong nghề du lịch như: nghiệp vụ hướng dẫn; nghiệp vụ lễ tân, buồng phòng; thiết kế và điều hành tour; tiếp thị và bán Tour.

MT4: Rèn các kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên ngành lữ hành hoặc khách sạn, sử dụng thành thạo ngoại ngữ và phần mềm chuyên ngành trong giao dịch với đối tác và phục vụ khách du lịch.

2.2.2.3. Về thái độ

MT5: Hình thành ý thức công dân, phẩm chất đạo đức cá nhân, nhận thức rõ về nghề nghiệp, trách nhiệm đối với công việc và thích nghi với môi trường làm việc đa văn hóa.

2.2.2.4. Trình độ tin học, ngoại ngữ

- Trình độ tin học: Đào tạo người học đạt chuẩn trình độ về tin học về Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (theo thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT BGDĐT-BTTTT) và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

- Trình độ ngoại ngữ: Đào tạo người học đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo thông tư Số: 01/2014/TT-BGDĐT) và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

Ngoài ra sinh viên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành còn sử dụng được Tiếng Anh chuyên ngành du lịch hoặc tiếng Trung sơ cấp 1/6 tương đương trình độ HSK1 hoặc tiếng Hàn sơ cấp 1/6 tương đương trình độ TOPIK I cấp độ 1.

3. CHUẨN ĐẦU RA

3.1. Kiến thức

- CDR1: Nhận thức được thế giới quan, nhân sinh quan đúng đắn, đánh giá được các hiện tượng một cách logic và tích cực. Vận dụng được các nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh và chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào nghề nghiệp, vào cuộc sống.

- CDR2: Nắm vững những kiến thức cơ bản về Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội và Nhân văn để ứng dụng nghiên cứu, giải quyết các vấn đề của tổ chức.

- CDR3: Sử dụng ngoại ngữ đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo thông tư Số: 01/2014/TT-BGDĐT). Ngoài ra sinh viên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành còn được chọn học Tiếng Anh chuyên ngành du lịch hoặc Trung văn sơ cấp 1/6 bậc tiếng Trung hoặc Hàn Ngữ sơ cấp 1/6 bậc tiếng Hàn.

- CDR4: Nắm vững những nội dung cơ bản về công tác quốc phòng – an ninh của Việt Nam trong điều kiện lịch sử cụ thể của đất nước. Vận dụng được một số kiến thức cơ bản về thể dục thể thao để rèn luyện sức khỏe.

- CDR5: Hiểu và vận dụng các kiến thức cơ bản về kinh tế và quản trị, tài chính làm nền tảng nghiên cứu chuyên sâu, giải quyết các vấn đề kinh doanh du lịch và khách sạn.

- CDR6: Hiểu và vận dụng kiến thức về văn hóa, địa lý, lịch sử, các tuyến điểm du lịch, tâm lý và giao tiếp ứng xử trong du lịch.

- CDR7: Hiểu và vận dụng các kiến thức chung ngành quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành như: kinh tế du lịch, luật du lịch, thống kê du lịch, hành vi tiêu dùng trong du lịch, quản trị điểm đến du lịch, marketing, quản trị nguồn nhân lực, quản trị tài chính, quản trị chiến lược trong du lịch và khách sạn để phân tích, đánh giá tình hình kinh doanh du lịch, khách sạn.

- CDR8: Vận dụng được các kiến thức đã học liên quan đến quản trị kinh doanh lữ hành, nghiệp vụ hướng dẫn du lịch, tổ chức và điều hành tour hoặc quản trị kinh doanh khách sạn, quản trị nghiệp vụ lễ tân, quản trị buồng khách sạn, quản trị nghiệp vụ nhà hàng và quầy bar vào thực hành, thực tập chuyên sâu của ngành đào tạo.

- CDR9: Nắm được kiến thức thực tiễn về các hoạt động kinh doanh du lịch lữ hành, kinh doanh khách sạn và có định hướng rõ ràng hơn về nghề quản trị khách sạn hoặc quản trị lữ hành.

- CĐR10: Vận dụng các kiến thức đã được trang bị để phân tích, đánh giá và tổng hợp ít nhất một vấn đề nghiên cứu cụ thể trong lĩnh vực quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.

3.2. Kỹ năng

3.2.1. Kỹ năng cứng

- CĐR 11: Lập kế hoạch kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành, xây dựng được các chương trình du lịch phù hợp với từng tuyến du lịch, thực hiện các nghiệp vụ thiết kế và điều hành tour du lịch.

- CĐR 12: Thực hiện công tác tổ chức xúc tiến và bán tour du lịch, thuyết minh hướng dẫn du lịch và tổ chức thực hiện chương trình du lịch, phục vụ tốt du khách hoặc thực hiện các nghiệp vụ tác nghiệp của bộ phận lễ tân, buồng phòng, ăn uống.

- CĐR13: Thành thạo quản lý được các hoạt động dịch vụ tại các điểm đến du lịch, các cơ sở lưu trú, sắp xếp, giám sát và điều hành công việc đảm bảo nguyên tắc, quy trình làm việc tốt nhất. Xử lý các tình huống thường gặp trong hoạt động du lịch.

- CĐR14: Phân tích chương trình xúc tiến hỗn hợp, chương trình du lịch trọn gói của một doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành cụ thể.

- CĐR15: Thu thập, xử lý, phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến tập thể và sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề thực tế hay trừu tượng trong lĩnh vực quản trị dịch vụ du lịch lữ hành.

3.2.2. Kỹ năng mềm

- CĐR16: Khả năng giao tiếp và thiết lập mối quan hệ với khách hàng, đối tác

- CĐR17: Phối hợp làm việc theo nhóm hiệu quả trong học tập, nghiên cứu và công việc.

- CĐR18: Khả năng tự học, tìm tòi và sáng tạo, làm việc có kế hoạch và khoa học.

- CĐR19: Sử dụng tốt một số phần mềm trong ngành du lịch như: phần mềm quản lý công ty du lịch, khách sạn, phần mềm quản lý tour, hệ thống đặt chỗ toàn cầu (CRS), hệ thống phân phối toàn cầu (GDS);

3.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CĐR20: Hình thành ý thức công dân, chấp hành nghiêm chỉnh mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.

- CĐR21: Khả năng dẫn dắt về chuyên môn và nghiệp vụ đã được đào tạo, tự định hướng và thích nghi với môi trường làm việc và tự nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

- CĐR22: Trách nhiệm đối với công việc, đáp ứng các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, tác phong làm việc chuyên nghiệp, thái độ làm việc đúng mực.

3.4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Cơ sở kinh doanh du lịch: Hãng lữ hành, hãng vận chuyển, công ty tổ chức sự kiện và hội nghị, khách sạn, nhà hàng, khu du lịch. Vị trí làm việc có thể đảm nhận:

- Hướng dẫn viên du lịch, nhân viên, chuyên gia thiết kế và phát triển sản phẩm lữ hành, tiếp thị và bán sản phẩm, điều hành thực hiện chương trình du lịch hoặc chuyên viên phụ trách các bộ phận lễ tân, buồng phòng, ăn uống trong các cơ sở lưu trú.

- Nhân viên, chuyên gia, cán bộ quản lý các cấp tại các bộ phận nghiệp vụ, các bộ phận hỗ trợ và phát triển và các bộ phận tổng hợp tại các cơ sở kinh doanh du lịch trong và ngoài nước.
- Chuyên viên phụ trách quan hệ đối ngoại, marketing, chăm sóc khách hàng, tổ chức sự kiện hội nghị và dịch vụ bổ sung tại các cơ sở kinh doanh du lịch trong và ngoài nước.
- Trợ lý giám đốc công ty, giám đốc các dự án, các khu vực thị trường hoặc giám đốc các bộ phận chức năng như marketing, kỹ thuật, sản xuất, nhân sự, đối ngoại.

Cơ quan quản lý nhà nước về du lịch: Vị trí làm việc có thể đảm nhận:

- Chuyên viên các phòng và trung tâm trực thuộc các Sở, ban ngành phụ trách về du lịch như: Phòng lễ hành, Quy hoạch tài nguyên du lịch, Nghiệp vụ du lịch, Trung tâm xúc tiến du lịch, Tổ chức cán bộ, Tổng hợp, Thanh tra du lịch.
- Nghiên cứu viên nghiên cứu thị trường, quảng bá và xúc tiến du lịch; nghiên cứu phát triển và quản lý du lịch trong các viện nghiên cứu và quản lý du lịch.
- Chuyên gia, cán bộ quản lý, điều phối tại các dự án du lịch cộng đồng, dự án phi chính phủ về du lịch.
- Giảng viên giảng dạy về du lịch tại các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp có đào tạo về du lịch.

3.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Trên nền tảng các kiến thức và kỹ năng đã được trang bị, sinh viên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lễ hành sau khi tốt nghiệp có khả năng:

- Tiếp tục học tập ở bậc cao hơn (Thạc sĩ, Tiến sĩ) và có điều kiện liên thông sang các ngành đào tạo khác trong khối ngành Kinh tế.
- Tự nghiên cứu, học tập, bổ sung các tri thức và kỹ năng còn thiếu nhằm đáp ứng với yêu cầu của vị trí công tác và quy hoạch phát triển nhân sự ở đơn vị công tác.

3.6. Các chương trình, tài liệu, chuẩn đã tham khảo

- Khung trình độ Quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 do Chính phủ ban hành;
- Chương trình đào tạo cử nhân Quản trị dịch vụ du lịch và lễ hành trường Đại học Kinh tế quốc dân ban hành theo Quyết định số 612/QĐ-ĐHKTQD ngày 12 tháng 03 năm 2020;
- Chương trình đào tạo cử nhân Quản trị dịch vụ du lịch và lễ hành trường Đại học Hà Nội năm 2015 theo link [Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lễ hành \(hanu.vn\)](http://hanu.vn).
- Chương trình đào tạo cử nhân Quản trị dịch vụ du lịch và lễ hành trường Đại học Khoa học Xã hội và nhân văn – ĐH Quốc gia TP HCM năm 2021.

4. MA TRẬN TƯƠNG THÍCH GIỮA CHUẨN ĐẦU RA VÀ MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mục tiêu của CTĐT	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo																					
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
MT1	x	x	x	x																		
MT2					x	x	x	x	x	x												

MT3											x	x	x	x	x							
MT4																x	x	x	x			
MT5																				x	x	x

5. TUYỂN SINH VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

5.1 Thông tin tuyển sinh

Căn cứ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thông báo và hướng dẫn của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (<https://uneti.edu.vn/chuyen-muc/tuyen-sinh>)

+ Đối tượng tuyển sinh: Người học đảm bảo Chuẩn đầu vào chương trình đào tạo đại học – Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Phương thức tuyển sinh: Theo phương thức xét tuyển trong đề án tuyển sinh của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; Quyết định số 392/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 10 tháng 9 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Sinh viên được trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo được quy định trong Quy chế;
- Điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa đạt từ 2,00 trở lên;
- Có các chứng chỉ hoặc chứng nhận ngoại ngữ, tin học theo quy định của Nhà trường với từng đối tượng và thời điểm;
- Có các chứng chỉ hoặc chứng nhận giáo dục quốc phòng – an ninh đối với các ngành đào tạo không chuyên về quân sự và hoàn thành học phần giáo dục thể chất đối với các ngành không chuyên về thể dục – thể thao;
- Có đơn gửi Phòng đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học.

6. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

6.1. Các phương pháp dạy và học áp dụng trong Chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành được triển khai giảng dạy theo phương pháp giảng dạy tích cực thúc đẩy sinh viên phát triển ý tưởng sáng tạo. Để đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, Khoa Du lịch và khách sạn đã xây dựng các chiến lược giảng dạy – học tập. Việc lựa chọn phương pháp dạy học, hình thức tổ chức dạy học vừa phải đảm bảo phù hợp đặc thù của khoa, vừa trang bị cho sinh viên các kỹ năng nghề nghiệp cũng như các kỹ năng mềm....

- Phương pháp thuyết trình: Giảng viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giảng viên là người thuyết trình, diễn giảng. Sinh viên có trách nhiệm nghe giảng và ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giáo viên truyền đạt. Đồng thời sinh viên cũng trình bày quan điểm của bản thân hoặc đại diện cho nhóm để đưa ra các nội dung cần thảo luận trước tập thể.
- Phương pháp thảo luận: Là phương pháp dạy học trong đó sinh viên được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giáo viên đặt ra. Phương pháp này thúc đẩy sinh viên làm rõ các khái niệm, ý tưởng và các thông tin xoay quanh chủ đề đặc biệt là các vấn đề thực tế; thông qua trao đổi bằng lời nói với bạn học và giảng viên để kết nối các ý tưởng, kinh nghiệm để phản ánh nhiều ý nghĩa của khái niệm hay vấn đề.
- Phương pháp nghiên cứu xử lý tình huống: Là phương pháp hướng đến cách tiếp cận dạy học lấy người học làm trung tâm, giúp người học hình thành kỹ năng tư duy phản biện và giao tiếp. Theo phương pháp này, giáo viên thiết kế các nhiệm vụ dựa trên các tình huống, cần sinh viên giải quyết, qua đó giúp sinh viên hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định cũng như kỹ năng nghiên cứu. Các tình huống được sử dụng nhiều là các tình huống thực tế, điển hình từ những tập đoàn, doanh nghiệp trên toàn thế giới, tạo điều kiện cho người học tiếp cận với thực tiễn.
- Phương pháp đặt vấn đề/ giải quyết vấn đề: Là phương pháp dạy học trong đó giảng viên tạo ra những tình huống có vấn đề, điều khiển sinh viên phát hiện vấn đề hay thách thức trong thực tế để sinh viên hoạt động tự giác, tích cực, chủ động, sáng tạo để giải quyết vấn đề bằng quan điểm cá nhân và kiến thức đã lĩnh hội. Thông qua đó chiếm lĩnh tri thức, rèn luyện kỹ năng và đạt được những mục đích học tập khác.
- Phương pháp nhập vai: Phương pháp này là một quá trình trong đó người ta khám phá suy nghĩ và cảm xúc của người khác bằng cách phản ứng và hành xử như người đó trong tình huống giả lập. Nó có thể liên quan đến các cặp, nhóm hoặc cả lớp. Phương pháp này được sử dụng để kiểm tra quan điểm của người khác và truyền đạt sự hiểu biết. Nó cho phép sinh viên áp dụng các kỹ năng cá nhân và nhóm để đánh giá kiến thức trước khi ra quyết định và giải quyết vấn đề bằng cách kiểm tra các tình huống trong bối cảnh xa lạ.
- Phương pháp thực hành: Sinh viên được chia thành các nhóm nhỏ để giải quyết các vấn đề nhất định và hiển thị kết quả bằng cách báo cáo hoặc giảng bài hoặc có thể tiến hành thao tác theo cá nhân. Sinh viên đã được cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản qua các bài thực hành từ đơn giản cho đến phức tạp.
- Phương pháp báo cáo: Là phương pháp sinh viên được tham gia vào các buổi báo cáo theo chủ đề, trong đó người diễn giảng, thuyết trình không phải là giáo viên mà là những chuyên gia đến từ các doanh nghiệp, tổ chức bên ngoài. Thông qua những kinh nghiệm và hiểu biết của diễn giả, giúp sinh viên hình thành kiến thức tổng quan hay cụ thể về chương trình đào tạo.
- Phương pháp thực tế: Là phương pháp được thực hiện thông qua việc giới thiệu, tìm hiểu thực tế các hoạt động tại DN và sinh viên qua việc lĩnh hội các kiến thức đã được học sẽ trình bày về thực tế mình tìm hiểu được liên quan đến chủ đề của nội dung học tập.
- Phương pháp làm việc nhóm: Sinh viên được chia thành các nhóm nhỏ để giải quyết các chủ đề được giảng viên giao nhất định và hiển thị kết quả bằng cách báo cáo hoặc trình bày bằng slide. Sinh viên đã được cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản trong công việc nhóm kể từ năm đầu tiên. Sau đó, họ sẽ được thực hành phương pháp này trong rất nhiều khóa học ở các cấp độ khác nhau.

- Phương pháp đọc và nghiên cứu tài liệu: Phương pháp này phát triển khả năng tự học của sinh viên để chuẩn bị bài trước buổi học và ôn tập bài sau buổi học
- Thực hiện bài kiểm tra cá nhân: Phương pháp này rèn luyện khả năng tư duy độc lập để giải quyết vấn đề/tình huống/bài thực hành được đưa ra trên cơ sở vận dụng kiến thức, kỹ năng đã được học tập, thảo luận với thái độ cầu thị
- Khóa luận tốt nghiệp: Phương pháp này phát triển khả năng của sinh viên trong việc lên kế hoạch, tìm hiểu, tổ chức và đánh giá đối với một chủ đề một cách độc lập và chi tiết, dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Nó còn tăng cường động lực học tập và tích cực tham gia học tập bởi vì sinh viên được cho phép chọn các tài liệu họ muốn trình bày.

6.2. Ma trận tích hợp chuẩn đầu ra của CTĐT và phương pháp dạy – học

Hoạt động giảng dạy và học tập	Chuẩn đầu ra																					
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
Thuyết trình	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x												
Thảo luận																x	x	x	x			
Bài tập/ tình huống											x	x	x	x	x							
Thực hành											x	x	x	x	x	x	x	x	x			
Báo cáo											x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Thực tế											x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Làm việc nhóm											x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Đọc và nghiên cứu tài liệu											x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Thực hiện bài kiểm tra cá nhân																x	x	x	x	x	x	x
Khóa luận tốt nghiệp											x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	X

7. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

7.1. Các hình thức đánh giá

Đánh giá sinh viên trong quá trình học tập là hoạt động xác định mức độ đạt được CĐR của học phần từ đó bảo đảm sinh viên đạt được CĐR của chương trình đào tạo. Việc đánh giá kết quả học tập được căn cứ theo Quyết định số 392/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 10 tháng 09 năm 2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ

- Đánh giá ý thức và thái độ học tập: Đánh giá thông qua mức độ chuyên cần của sinh viên tham gia các buổi học trên lớp, sự tương tác với giảng viên trong quá trình học tập cũng như sự chuẩn bị bài trước các buổi học
- Đánh giá theo hình thức tự luận: Sinh viên thực hiện các bài kiểm tra, bài thi bằng hình thức tự luận trên giấy
- Đánh giá theo hình thức trắc nghiệm: Sinh viên thực hiện các bài kiểm tra, bài thi bằng hình thức thi trắc nghiệm trên máy vi tính hoặc các phiếu kiểm tra trắc nghiệm

- Đánh giá theo hình thức vấn đáp: Sinh viên thực hiện các bài kiểm tra, bài thi dưới hình thức trả lời các câu hỏi vấn đáp của giảng viên
- Đánh giá theo hình thức thực hành: Sinh viên thực hiện yêu cầu của môn học và nộp bài dưới dạng sản phẩm thực hành

7.2 Điểm đánh giá học phần

1. Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết, thực hành môn học, tiểu luận, thảo luận:

a) Điểm tổng hợp đánh giá học phần (gọi tắt là điểm học phần) được xác định bởi các loại điểm: điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 60%) và điểm quá trình (là điểm trung bình các điểm đánh giá bộ phận trong quá trình giảng dạy) (chiếm tỷ trọng 40%).

Trong đó các điểm đánh giá bộ phận được quy định như sau:

- Điểm kiểm tra định kỳ - tính hệ số 2:

+ Là điểm kiểm tra hết chương hoặc hết từng phần chính của học phần (thời gian làm bài là 1 tiết), kiểm tra phần thực hành môn học, điểm tiểu luận

+ Số lần kiểm tra định kỳ: Được quy định bằng số tín chỉ của học phần đó.

- Điểm kiểm tra thường xuyên - tính hệ số 1:

+ Là điểm kiểm tra hỏi đáp đầu giờ hoặc trong giờ lên lớp, kiểm tra từ 15 phút trở xuống, kiểm tra nhận thức và thái độ tham gia thảo luận của sinh viên trong giờ học.

+ Số lần kiểm tra thường xuyên: tối thiểu là 1. Ngoài ra, Khoa, tổ chuyên môn có thể quy định số lần kiểm tra tối thiểu cho từng học phần cụ thể.

- Điểm chuyên cần - có hệ số bằng số tín chỉ của học phần đó.

+ Điểm chuyên cần được đánh giá theo thời gian tham gia học tập trên lớp, cụ thể như sau:

(Thời gian tham gia học tập trên lớp do giảng viên cập nhật hàng tuần, phần mềm tự tính):

* Đi học đầy đủ số tiết trong chương trình được tính: 10 điểm.

* Có nghỉ học; nghỉ học dưới 10% số tiết trong chương trình được tính: 8 điểm.

* Nghỉ học từ 10% trở lên; dưới 20% số tiết trong chương trình được tính: 6 điểm.

* Nghỉ học từ 20% trở lên; dưới 35% số tiết trong chương trình được tính: 4 điểm.

* Nghỉ học từ 35% trở lên; dưới 50% số tiết trong chương trình được tính: 2 điểm.

* Nghỉ học từ 50% trở lên: 0 điểm

Ghi chú:

+ Sinh viên nghỉ học trên 50% số tiết trong chương trình sẽ bị cấm thi (cả kỳ thi chính và kỳ thi phụ), điểm thi được tính là 0 điểm.

+ Số lần đánh giá điểm chuyên cần: 1 lần, vào thời điểm kết thúc học phần.

b) Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận, thi kết thúc học phần do Bộ môn đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt và phải được quy định công khai trong đề cương chi tiết của học phần.

2) Đối với các học phần thực hành, thí nghiệm, tiểu luận, bài tập lớn, thực tập:

a) Điểm tổng hợp đánh giá học phần (gọi tắt là điểm học phần) là điểm trung bình của các loại điểm đánh giá bộ phận trong quá trình giảng dạy.

Trong đó các điểm đánh giá bộ phận được quy định như sau:

- Điểm kiểm tra định kỳ: là điểm đánh giá các bài thực hành định kỳ trong quá trình giảng dạy, được tính hệ số 1.

Số điểm kiểm tra định kỳ: Được quy định bằng số tín chỉ của học phần đó.

- Điểm chuyên cần:

+ Điểm chuyên cần được đánh giá theo thời gian tham gia học tập trên lớp, cụ thể như sau:
(Thời gian tham gia học tập trên lớp do giảng viên cập nhật hàng tuần, phần mềm tự tính):

* Đi học đầy đủ số tiết trong chương trình được tính:10 điểm.

* Có nghỉ học; nghỉ học dưới 10% số tiết trong chương trình được tính:8 điểm.

* Nghỉ học từ 10% trở lên; dưới 20% số tiết trong chương trình được tính:6 điểm.

* Nghỉ học từ 20% trở lên; dưới 35% số tiết trong chương trình được tính:4 điểm.

* Nghỉ học từ 35% trở lên; dưới 50% số tiết trong chương trình được tính:2 điểm.

* Nghỉ học từ 50% trở lên:0 điểm

+ Điểm chuyên cần có hệ số 1.

Ghi chú:

Sinh viên nghỉ học trên 50% số tiết trong chương trình sẽ bị cấm thi (cả kỳ thi chính và kỳ thi phụ), điểm thi được tính là 0 điểm.

+ Số lần đánh giá điểm chuyên cần: 1 lần, vào thời điểm kết thúc học phần.

b) Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận do Bộ môn đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt và phải được quy định công khai trong Đề cương chi tiết của học phần.

8. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

8.1. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 136 tín chỉ (Chưa bao gồm khối lượng kiến thức Giáo dục thể chất (4TC) và Giáo dục quốc phòng (8 TC))

Trong đó:

* Khối kiến thức giáo dục đại cương: 38 tín chỉ (28,47%)

* Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 98 tín chỉ (71,53%)

○ Phần lý thuyết 64 tín chỉ

○ Phần thực hành, thực tập, đồ án: 25 tín chỉ

○ Khoá luận tốt nghiệp 09 tín chỉ

8.2. Nội dung chương trình đào tạo

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL, Tự học)	Ghi chú
	1. Khối kiến thức giáo dục đại cương (chưa bao gồm khối lượng kiến thức GDTC, GDQP)		38		
	1.1. Lý luận chính trị		11		
001535	1. Triết học Mac-Lênin	LLCT&PL	3	(33,24,90)	x

<i>Mã học phần</i>	<i>Học phần</i>	<i>Khoa/Bộ môn thực hiện</i>	<i>Số tín chỉ</i>	<i>Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL, Tự học)</i>	<i>Ghi chú</i>
001536	2. Kinh tế chính trị Mac - Lênin	LLCT&PL	2	(21,18,60)	x
001537	3. CNXH khoa học	LLCT&PL	2	(21,18,60)	x
000573	4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT&PL	2	(21,18,60)	x
001538	5. Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	LLCT&PL	2	(21,18,60)	x
	1.2. Khoa học xã hội		2		
000585	1. Pháp luật đại cương	LLCT&PL	2	(26,8,60)	x
	1.3. Ngoại ngữ		16		
001942	1. Tiếng Anh 1	NN	4	(48,24,120)	x
001943	2. Tiếng Anh 2	NN	4	(48,24,120)	x
001944	3. Tiếng Anh 3	NN	4	(48,24,120)	x
001945	4. Tiếng Anh 4	NN	4	(48,24,120)	x
	1.4. Khoa học tự nhiên - Toán học - Tin học		2		
001053	1. Đại số tuyến tính	KHUĐ	2	(26,8,60)	x
	1.5. Kiến thức bổ trợ		7		
002151	1. Kỹ năng nhận thức bản thân	LLCT&PL	1	(15, 0, 30)	x
002167	2. Kỹ năng nghề nghiệp – DL lễ hành	DLKS	1	(15, 0, 30)	x
002129	3. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	LLCT&PL	1	(15, 0, 30)	x
001200	4. Kỹ năng giải quyết vấn đề và làm việc nhóm	LLCT&PL	2	(26,8,60)	
002102	5. Lịch sử văn minh thế giới	DLKS	2	(26,8,60)	x
001382	6. Cơ sở văn hóa Việt Nam	DLKS	2	(26,8,60)	x
	1.6. Giáo dục thể chất		4		
000718	1. Giáo dục thể chất 1	GDTC	1	(0,30,30)	x
000719	2. Giáo dục thể chất 2	GDTC	1	(0,30,30)	x
000739	3. Giáo dục thể chất 3	GDTC	1	(0,30,30)	x
000740	4. Giáo dục thể chất 4	GDTC	1	(0,30,30)	x
	1.7. Giáo dục quốc phòng	GDQP	8		
002200	1. Giáo dục quốc phòng - HP1	GDQP	3	(37, 16, 90)	x
002201	2. Giáo dục quốc phòng - HP2	GDQP	2	(22, 16, 60)	x
002202	3. Giáo dục quốc phòng - HP3	GDQP	1	(7, 16, 30)	x

<i>Mã học phần</i>	<i>Học phần</i>	<i>Khoa/Bộ môn thực hiện</i>	<i>Số tín chỉ</i>	<i>Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL, Tự học)</i>	<i>Ghi chú</i>
002203	4. Giáo dục quốc phòng - HP4	GDQP	2	(4, 56, 60)	x
	2. Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp		98		
	2.1. Kiến thức cơ sở của khối ngành và ngành		16		
	<i>Các học phần bắt buộc</i>		14		
000564	1. Kinh tế vi mô	DLKS	2	(26,8,60)	x
000565	2. Kinh tế vĩ mô	DLKS	2	(26,8,60)	x
000567	3. Nguyên lý thống kê kinh tế	DLKS	2	(26,8,60)	x
001109	4. Tài chính tiền tệ	TCNH-BH	3	(39,12,90)	x
000681	5. Lý thuyết hạch toán kế toán	KT	3	(39,12,90)	x
000493	6. Quản trị học	QT&MAR	2	(26,8,60)	x
	<i>Các học phần tự chọn</i> <i>Chọn 1 trong các học phần sau:</i>		2		
002003	1. Thương mại điện tử - DLKS	DLKS	2	(26,8,60)	x
000568	2. Pháp luật kinh tế	DLKS	2	(26,8,60)	
001104	3. Marketing căn bản	QT&MAR	2	(26,8,60)	
	2.2. Kiến thức ngành		82		
	2.2.1. Kiến thức chung của ngành		56		
	<i>Các học phần bắt buộc</i>		45		
001981	1. Kinh tế du lịch	DLKS	3	(39,12,90)	x
001974	2. Địa lý du lịch	DLKS	3	(39,12,90)	x
001994	3. Thống kê du lịch	DLKS	2	(26,8,60)	x
001982	4. Luật du lịch	DLKS	3	(39,12,90)	x
001999	5. Quản trị quan hệ khách hàng	DLKS	3	(39,12,90)	x
002006	6. Tin học ứng dụng trong du lịch	DLKS	2	(26,8,60)	x
001985	7. Quản lý điểm đến du lịch	DLKS	3	(39,12,90)	x
001983	8. Marketing du lịch	DLKS	3	(39,12,90)	x
001989	9. Quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp du lịch và khách sạn	DLKS	3	(39,12,90)	x
002000	10. Thực tập nghiệp vụ đại lý du lịch	DLKS	2	(0,60,60)	x
002072	11. Nghiệp vụ ăn uống	DLKS	3	(0,90,90)	x

<i>Mã học phần</i>	<i>Học phần</i>	<i>Khoa/Bộ môn thực hiện</i>	<i>Số tín chỉ</i>	<i>Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL, Tự học)</i>	<i>Ghi chú</i>
001984	12. Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	DLKS	3	(0,90,90)	x
002007	13. Tổ chức và điều hành tour	DLKS	3	(39,12,90)	x
001987	14. Quản trị dịch vụ vận chuyển du lịch	DLKS	3	(39,12,90)	x
002070	15. Nghiệp vụ lễ tân khách sạn	DLKS	3	(0,90,90)	x
001958	16. Kiến tập tour	DLKS	3	(0,180,90)	x
<i>Các học phần (ngoại ngữ) tự chọn</i>			6		
002004	1. Tiếng Anh du lịch căn bản 1	DLKS	3	(39,12,90)	x
002005	2. Tiếng Anh du lịch căn bản 2	DLKS	3	(39,12,90)	x
001545	3. Tiếng Trung 1	NN	3	(39,12,90)	
001894	4. Tiếng Trung 2	NN	3	(39,12,90)	
002096	5. Tiếng Hàn 1	NN	3	(39,12,90)	
002097	6. Tiếng Hàn 2	NN	3	(39,12,90)	
<i>Các học phần bổ trợ tự chọn</i>			5		
001993	1. Tâm lý và giao tiếp trong du lịch	DLKS	2	(26,8,60)	x
002098	2. Văn hóa du lịch	DLKS	2	(26,8,60)	
002099	3. Văn hóa và nghệ thuật ẩm thực	DLKS	2	(26,8,60)	
001978	4. Hành vi tiêu dùng trong du lịch	DLKS	2	(26,8,60)	
002413	5. Thực tập marketing trong doanh nghiệp du lịch và khách sạn	DLKS	2	(0,60,60)	
002414	6. Thực tập khởi nghiệp trong du lịch và khách sạn	DLKS	3	(0,90,90)	
001998	7. Thực tập kinh doanh du lịch trực tuyến	DLKS	3	(0,90,90)	x
001992	8. Quản trị tài chính trong du lịch và khách sạn	DLKS	3	(39,12,90)	
001991	9. Quản trị rủi ro trong du lịch	DLKS	3	(39,12,90)	
002001	10. Quản trị doanh thu khách sạn	DLKS	3	(39,12,90)	
2.2.2. Kiến thức chuyên sâu của ngành			26		
<i>Tự chọn theo định hướng</i>					
<i>Modul 1: Quản trị lữ hành</i>			26		
001988	1. Quản trị kinh doanh lữ hành	DLKS	3	(39,12,90)	x
002002	2. Tuyển điểm du lịch	DLKS	3	(39,12,90)	x

<i>Mã học phần</i>	<i>Học phần</i>	<i>Khoa/Bộ môn thực hiện</i>	<i>Số tín chỉ</i>	<i>Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL, Tự học)</i>	<i>Ghi chú</i>
001986	3. Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch	DLKS	3	(39,12,90)	x
001995	4. Thực tập nghiệp vụ lữ hành	DLKS	3	(0,90,90)	x
001996	5. Thực tập cuối khóa	DLKS	5	(0,300,0)	x
001979	6. Khóa luận tốt nghiệp ngành DL&KS	DLKS	9	(0,540,0)	
001976	7. Du lịch sinh thái	DLKS	3	(39,12,90)	x
001977	8. Du lịch văn hóa	DLKS	3	(39,12,90)	x
001975	9. Du lịch MICE	DLKS	3	(39,12,90)	x
	<i>Modul 2: Quản trị khách sạn</i>		29		
002069	1. Quản trị kinh doanh khách sạn	DLKS	3	(39,12,90)	x
002071	2. Quản trị buồng khách sạn	DLKS	3	(39,12,90)	x
001997	3. Quản trị kinh doanh nhà hàng	DLKS	3	(39,12,90)	x
002080	4. Thực tập nghiệp vụ khách sạn	DLKS	3	(0,90,90)	x
001996	5. Thực tập cuối khóa	DLKS	5	(0,300,0)	x
001979	6. Khóa luận tốt nghiệp ngành DL&KS	DLKS	9	(0,540,0)	
002073	7. Quản trị khu nghỉ dưỡng/resort	DLKS	3	(39,12,90)	x
002074	8. Quản trị an ninh, an toàn trong khách sạn	DLKS	3	(39,12,90)	x
002075	9. Quản trị chất lượng dịch vụ	DLKS	3	(39,12,90)	x

8.3. Kế hoạch giảng dạy dự kiến

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	LOẠI HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
I		Học kỳ 1	Lý thuyết	3
1	001535	Triết học Mác-Lênin	Lý thuyết	2
2	000585	Pháp luật đại cương	Lý thuyết	2
3	001053	Đại số tuyến tính	Lý thuyết	2
4	001382	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Lý thuyết	1
5	000718	Giáo dục thể chất 1	GDTC	2
6	000564	Kinh tế vi mô	Lý thuyết	2
7	000567	Nguyên lý thống kê kinh tế	Lý thuyết	2
8	000493	Quản trị học	Lý thuyết	3
II		Học kỳ 2		4
1	001942	Tiếng Anh 1	Lý thuyết	2

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	LOẠI HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
2	000565	Kinh tế vĩ mô	Lý thuyết	3
3	001109	Tài chính tiền tệ	Lý thuyết	3
4	001212	Nguyên lý kế toán	Lý thuyết	2
5	002003	Thương mại điện tử - DLKS	Lý thuyết	3
6	001983	Marketing du lịch	Lý thuyết	3
III		Học kỳ 3		
1	001943	Tiếng Anh 2	Lý thuyết	4
2	002151	Kỹ năng nhận thức bản thân	Lý thuyết	1
3	000719	Giáo dục thể chất 2	GDTC	1
4	002200	Giáo dục quốc phòng - HP1	GDQP	3
5	002201	Giáo dục quốc phòng - HP2	GDQP	2
6	002202	Giáo dục quốc phòng - HP3	GDQP	1
7	002203	Giáo dục quốc phòng - HP4	GDQP	2
8	001981	Kinh tế du lịch	Lý thuyết	3
9	002006	Tin học ứng dụng trong du lịch	LT trên phòng máy tính chung	2
IV		Học kỳ 4		
1	001536	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Lý thuyết	2
2	001944	Tiếng Anh 3	Lý thuyết	4
3	001989	Quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp du lịch và khách sạn	Lý thuyết	3
4	001984	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	Thực hành	3
5	002070	Nghiệp vụ lễ tân khách sạn	Thực hành	3
6	001998	Thực tập kinh doanh du lịch trực tuyến	TT trên phòng máy tính chung	3
V		Học kỳ 5		
1	001537	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Lý thuyết	2
2	001945	Tiếng Anh 4	Lý thuyết	4
3	002167	Kỹ năng nghề nghiệp - DL lễ hành	Lý thuyết	1
4	000739	Giáo dục thể chất 3	GDTC	1
5	001974	Địa lý du lịch	Lý thuyết	3
6	002072	Nghiệp vụ ăn uống	Thực hành	3
7	002007	Tổ chức và điều hành tour	Lý thuyết	3
8	001988	Quản trị kinh doanh lễ hành	LT(CN1)	3
9	002069	Quản trị kinh doanh khách sạn	LT(CN2)	3
VI		Học kỳ 6		
1	000573	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Lý thuyết	2
2	001994	Thống kê du lịch	Lý thuyết	2
3	001985	Quản lý điểm đến du lịch	Lý thuyết	3
4	002000	Thực tập nghiệp vụ đại lý du lịch	Thực hành	2
5	002004	Tiếng Anh du lịch căn bản 1	Lý thuyết	3

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	LOẠI HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
6	001545	Lịch sử văn minh thế giới	Lý thuyết	2
7	001993	Tâm lý và giao tiếp trong du lịch	Lý thuyết	2
8	002002	Tuyển điểm du lịch	LT(CN1)	3
9	002071	Quản trị buồng khách sạn	LT(CN2)	3
VII		Học kỳ 7		
1	002129	Kỹ năng Phỏng vấn xin việc	Lý thuyết	1
2	000740	Giáo dục thể chất 4	GDTC	1
3	001982	Luật du lịch	Lý thuyết	3
4	001987	Quản trị dịch vụ vận chuyển du lịch	Lý thuyết	3
5	002005	Tiếng Anh du lịch căn bản 2	Lý thuyết	3
6	001999	Quản trị quan hệ khách hàng	Lý thuyết	3
7	001995	Thực tập nghiệp vụ lễ hành	TT(CN1)	3
8	002080	Thực tập nghiệp vụ khách sạn	TT(CN2)	3
VIII		Học kỳ 8		
1	001538	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Lý thuyết	2
2	001986	Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch	LT(CN1)	3
3	001997	Quản trị kinh doanh nhà hàng	LT(CN2)	3
4	001996	Thực tập cuối khóa	Doanh nghiệp	5
5	001979	Khóa luận tốt nghiệp	Thực hành	9
6	001975	Du lịch MICE	LT(CN1)	3
7	001977	Du lịch văn hóa	LT(CN1)	3
8	001976	Du lịch sinh thái	LT(CN1)	3
9	002073	Quản trị khu nghỉ dưỡng/resort	LT(CN2)	3
10	002074	Quản trị an ninh, an toàn trong khách sạn	LT(CN2)	3
11	002075	Quản trị chất lượng dịch vụ	LT(CN2)	3
Cộng:				148

9. MA TRẬN ĐÓNG GÓP CỦA CÁC HỌC PHẦN THEO YÊU CẦU NĂNG LỰC CỦA CHUẨN ĐẦU RA

TT	Học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo																					
		Kiến thức (thang Bloom) (1-6)										Kỹ năng (thang Dave 1975) (1-5)									Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm (Krathwohl 1973) 1-5		
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11	CĐR 12	CĐR 13	CĐR 14	CĐR 15	CĐR 16	CĐR 17	CĐR 18	CĐR 19	CĐR 20	CĐR 21	CĐR 22
		1.1.1	1.1.2	1.1.3	1.1.4	1.2.1	1.3.1	1.4.1	1.4.2	1.4.3	1.4.4	2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	3.1.1	3.1.2	3.2.1
1. Triết học Mac-Lênin	2	2									3									2	2	3	
2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin	3	2									3									2	2	3	
3. CNXH khoa học	2	2									2									2	2	3	
4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2									2									2	2	3	
5. Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	3									2									3	2	3	
6. Pháp luật đại cương		2									2		2	2		2				3	2	2	
7. Tiếng Anh 1			3													3	2	2		2		2	
8. Tiếng Anh 2			3													3	2			2		2	
9. Tiếng Anh 3			3													3	2	2		2		2	
10. Tiếng Anh 4			3													3	2	2		2	2		
11. Đại số tuyến tính	2	2														3				2	2	2	

TT	Học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo																					
		Kiến thức (thang Bloom) (1-6)										Kỹ năng (thang Dave 1975) (1-5)										Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm (Krathwohl 1973) 1-5	
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11	CĐR 12	CĐR 13	CĐR 14	CĐR 15	CĐR 16	CĐR 17	CĐR 18	CĐR 19	CĐR 20	CĐR 21	CĐR 22
		1.1.1	1.1.2	1.1.3	1.1.4	1.2.1	1.3.1	1.4.1	1.4.2	1.4.3	1.4.4	2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	3.1.1	3.1.2	3.2.1
12. Kỹ năng nhận thức bản thân	2														2		2	2		2	2		
13. Kỹ năng nghề nghiệp – DL xử hành			2			2											3	3	3			3	3
14. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	2				3												2	2	2		2	2	2
16. Cơ sở văn hóa Việt Nam		2	2			3					2	2					3	3	3		2		2
15. Lịch sử văn minh thế giới		2				2						2					3	2	2		2	2	
17. Giáo dục thể chất (4TC)				2															1				1
18. Giáo dục quốc phòng (8TC)				3													1	1			1	1	
19. Kinh tế vi mô					3										2				3		2	2	
20. Kinh tế vĩ mô					3										2	2			3		2	2	2
21. Nguyên lý thống kê kinh tế	2	2			3	3	3			3					2		3	3	3	2	3	2	2
22. Tài chính tiền tệ		2			3	3						3		3		3	3					3	2
23. Lý thuyết hạch toán kế toán					3						2		3		3	2						2	2
24. Quản trị học					3											2	3					2	2

TT	Học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo																					
		Kiến thức (thang Bloom) (1-6)										Kỹ năng (thang Dave 1975) (1-5)										Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm (Krathwohl 1973) 1-5	
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11	CĐR 12	CĐR 13	CĐR 14	CĐR 15	CĐR 16	CĐR 17	CĐR 18	CĐR 19	CĐR 20	CĐR 21	CĐR 22
		1.1.1	1.1.2	1.1.3	1.1.4	1.2.1	1.3.1	1.4.1	1.4.2	1.4.3	1.4.4	2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	3.1.1	3.1.2	3.2.1
	25. Thương mại điện tử				2										3				3		2	2	
	25. Kinh tế du lịch					3									2		3				2	2	
	26. Địa lý du lịch						3				2						3	3			2	2	
	27. Thống kê du lịch	2	2	2		3	3	3	3	3					2		3	3		2	3	2	
	28. Luật du lịch				2	2					2					3		3		2		2	
	29. Quản trị quan hệ khách hàng																						
	30. Tin học ứng dụng trong du lịch				2										3			3	3		2	2	
	31. Quản lý điểm đến du lịch					2							3		3		3				2	2	
	32. Marketing du lịch							3															
	33. Quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp du lịch và khách sạn						2	3				3				2	2				2	2	
	34. Thực tập nghiệp vụ đại lý du lịch					2	2	2					2	2		3	3		3		2	2	

TT	Học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo																					
		Kiến thức (thang Bloom) (1-6)										Kỹ năng (thang Dave 1975) (1-5)										Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm (Krathwohl 1973) 1-5	
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11	CĐR 12	CĐR 13	CĐR 14	CĐR 15	CĐR 16	CĐR 17	CĐR 18	CĐR 19	CĐR 20	CĐR 21	CĐR 22
		1.1.1	1.1.2	1.1.3	1.1.4	1.2.1	1.3.1	1.4.1	1.4.2	1.4.3	1.4.4	2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	3.1.1	3.1.2	3.2.1
	35. Nghiệp vụ ăn uống							2	3				2			2	2		2		2	2	
	36. Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch					2			2		2	2	2			2	2				2	2	
	37. Tổ chức và điều hành tour							2	3		2	2				2	2				2	2	
	38. Quản trị dịch vụ vận chuyển du lịch					2	2	3			2		3			2			3		2	2	
	39. Nghiệp vụ lễ tân khách sạn							2	2				2			2	2				2	2	
	40. Kiến tập tour					2			2		2	2	2			3	3				2	2	
	41. Tiếng Anh du lịch căn bản 1					2		3				2	2			2	3				2	2	
	42. Tiếng Anh du lịch căn bản 2					2		3				2	2			2	3				2	2	
	43. Tâm lý và giao tiếp trong du lịch							2	2		3		2			2	3	2			2	2	
	44. Thực tập kinh doanh du lịch trực tuyến																						
	<i>Modul 1: Quản trị lễ hành</i>																						

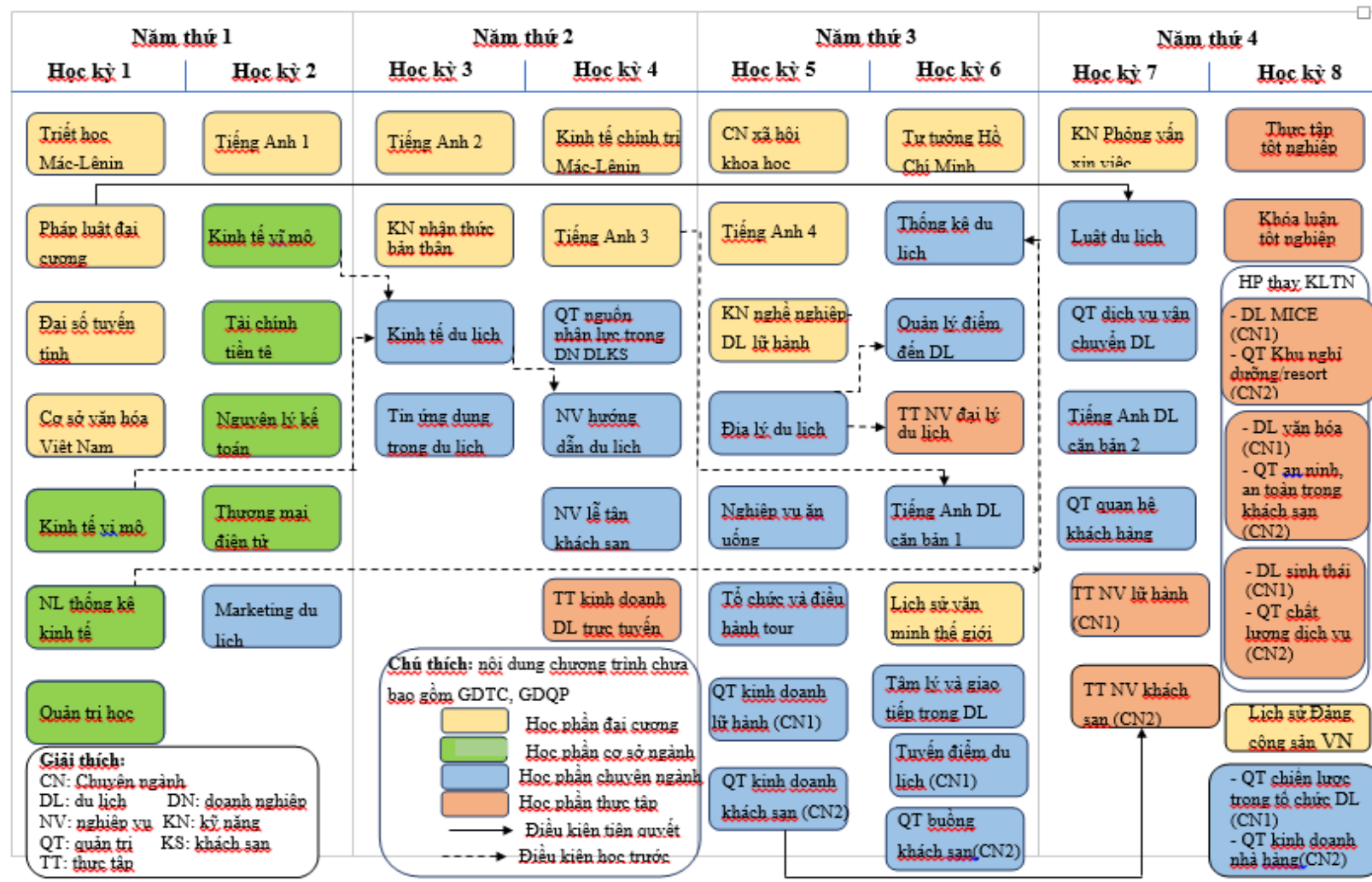
TT	Học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo																								
		Kiến thức (thang Bloom) (1-6)										Kỹ năng (thang Dave 1975) (1-5)										Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm (Krathwohl 1973) 1-5				
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11	CĐR 12	CĐR 13	CĐR 14	CĐR 15	CĐR 16	CĐR 17	CĐR 18	CĐR 19	CĐR 20	CĐR 21	CĐR 22			
		1.1.1	1.1.2	1.1.3	1.1.4	1.2.1	1.3.1	1.4.1	1.4.2	1.4.3	1.4.4	2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	3.1.1	3.1.2	3.2.1			
	45.1. Quản trị kinh doanh lễ hành							2	3	2	2	2	2	3	2				2			3			2	2
	46.1. Tuyển điểm du lịch					2		2				2	2			2		2							2	2
	47.1. Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch					2		2				2			2	3		3					3	2	2	
	48.1. Thực tập nghiệp vụ lễ hành							3	3			3	3			3	3	2				2			3	
	49.1. Thực tập cuối khóa							2	2	2		2	2		2		2					2			2	
	50. Khóa luận tốt nghiệp																									
	50.1.1 Du lịch sinh thái							2	2	2	3	2	2	2			2	2	3					2	2	
	50.1.2 Du lịch văn hóa							2	2	2			2			3		2				2	2	2		
	50.1.3 Du lịch MICE		2			3		3					2		2		3							2	2	
	<i>Modul 2: Quản trị khách sạn</i>																									
	45.2. Quản trị kinh doanh khách sạn								2	2	3				2					2					2	2

TT	Học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo																					
		Kiến thức (thang Bloom) (1-6)										Kỹ năng (thang Dave 1975) (1-5)										Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm (Krathwohl 1973) 1-5	
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11	CĐR 12	CĐR 13	CĐR 14	CĐR 15	CĐR 16	CĐR 17	CĐR 18	CĐR 19	CĐR 20	CĐR 21	CĐR 22
		1.1.1	1.1.2	1.1.3	1.1.4	1.2.1	1.3.1	1.4.1	1.4.2	1.4.3	1.4.4	2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	3.1.1	3.1.2	3.2.1
	46.2. Quản trị buồng khách sạn					2		2	3	3		2		2		3	2	2				2	2
	47.2. Quản trị kinh doanh nhà hàng								2	2				2			2	2				2	2
	48.2. Thực tập nghiệp vụ khách sạn							2	2	3			2			2	2		2			2	2
	49.2. Thực tập cuối khóa							2	2	2		2	2		3		2					2	2
	50.2. Khóa luận tốt nghiệp																						
	50.2.1 Quản trị khu nghỉ dưỡng/resort							2				2		3	2			2				2	2
	50.2.2 Quản trị an ninh, an toàn trong khách sạn					2				3	3			3				2			2		2
	50.2.3 Quản trị chất lượng dịch vụ							2						2		2		3				2	2

10. SƠ ĐỒ CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP
KHOA DU LỊCH VÀ KHÁCH SẠN

SƠ ĐỒ LIÊN QUAN GIỮA CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LƯU HÀNH



11. MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN

Kiến thức giáo dục đại cương (38TC)

1. Triết học Mac-Lênin

Số TC: 3

- Phân bố thời gian học tập: 3(33,24,90)

- Học phần tiên quyết: Không có

- Học phần học trước: Không có

- Tóm tắt nội dung học phần: Triết học Mác - Lênin là học phần cơ sở bắt buộc trong chương trình đào tạo Đại học của tất cả các chuyên ngành. Học phần được bố trí giảng dạy đầu tiên trong những môn thuộc hệ thống các môn khoa học Mác - Lênin, như môn học Kinh tế chính trị Mác-Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam. Học phần từng bước trang bị cho sinh viên thiết lập được thế giới quan, phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành cần đào tạo. Vận dụng thế giới quan, phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin một cách sáng tạo trong hoạt động nhận thức và thực tiễn nhằm giải quyết những vấn đề mà đời sống xã hội của đất nước, của thời đại đang đặt ra

2. Kinh tế chính trị Mác – Lênin

Số TC:2

- Phân bố thời gian học tập: 2 (21, 18, 60)

- Học phần tiên quyết: Không có

- Học phần học trước: Triết học Mác - Lênin

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin được xây dựng theo chương trình lý luận chính trị mới của Bộ Giáo dục & Đào tạo năm 2019, nhằm cung cấp cho sinh viên hệ thống tri thức của Kinh tế chính trị Mác - Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và những vấn đề kinh tế chính trị của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Học phần giúp sinh viên có khả năng hiểu, phân tích những vấn đề lý luận cơ bản như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường. Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa hiện, đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam...

Ngoài ra, học phần cũng hướng tới việc hình thành kỹ năng, tư duy, tầm nhìn của sinh viên khi tham gia hệ thống các hoạt động kinh tế xã hội sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo của nhà trường. Chủ động sáng tạo trong công việc, khắc phục tư tưởng bảo thủ trì trệ. Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên.

3. CNXH khoa học

Số TC: 2

- Phân bố thời gian học tập: 2 (21, 18, 60)

- Học phần tiên quyết: Không có

- Học phần học trước: Triết học Mác - Lênin; KTCT Mác - Lênin

- Tóm tắt nội dung học phần: Môn học Chủ nghĩa xã hội khoa học là môn học nghiên cứu về những quy luật và tính quy luật chính trị - xã hội của quá trình phát sinh, hình thành và phát triển hình thái kinh tế cộng sản chủ nghĩa; những nguyên tắc cơ bản, những điều kiện, con đường, hình thức và phương pháp đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân để thực hiện

sự chuyển biến từ chủ nghĩa tư bản (và các chế độ tư hữu) lên chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản.

4. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập*: 2(21,18,60)

- *Học phần tiên quyết*: Triết học Mác-Lênin; KTCT Mác-Lênin, CNXH KH

- *Học phần học trước*:

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần cơ sở bắt buộc trong chương trình đào tạo Đại học của tất cả các chuyên ngành. Học phần được bố trí giảng dạy sau các môn học Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học. Cung cấp cho sinh viên kiến thức có tính hệ thống về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa, tác phong Hồ Chí Minh. Giúp sinh viên hiểu rõ về hệ thống quan điểm của Hồ Chí Minh về những vấn đề lớn của cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đến cách mạng xã hội chủ nghĩa với mục tiêu cao cả là giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người.

5. Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập*: 2(21,18,60)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Triết học Mác-Lênin; KTCT Mác-Lênin, CNXH KH, Tư tưởng Hồ Chí Minh

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là học phần cơ sở bắt buộc trong chương trình đào tạo Đại học của tất cả các chuyên ngành. Học phần được bố trí giảng dạy sau các môn học Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học và Tư tưởng Hồ Chí Minh. Học phần trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930) và quá trình lãnh đạo cách mạng từ 1930 đến nay, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa và công cuộc đổi mới. Được thể hiện ở các nội dung: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 -1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay).

6. Pháp luật đại cương

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập*: 2(26,8,60)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Pháp luật đại cương là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo sinh viên đại học. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật như nguồn gốc, bản chất, đặc trưng, chức năng và các kiểu nhà nước, pháp luật. Đồng thời, học phần cũng giúp người học tìm hiểu, nghiên cứu kiến thức cơ bản thuộc các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam như chế độ chính trị, kinh tế, văn hóa, quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân, bộ máy nhà nước Việt Nam, quyền sở hữu, quyền thừa kế, hợp đồng, vi phạm pháp luật hành

Bản mô tả CTĐT chính, tội phạm và quy định pháp luật về phòng chống tham nhũng. Từ đó, người học có thể hiểu và vận dụng được kiến thức lý luận cũng như một số quy định pháp luật vào thực tiễn cuộc sống.

7. Tiếng Anh 1

Số TC: 4

- *Phân bố thời gian học tập*: 4(48,24,120)

- *Học phần tiên quyết*: Điểm TOEIC đầu vào ≥ 200

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần tiếng Anh 1 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ bản trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần rèn luyện đồng đều cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ A2 theo khung tham chiếu Châu Âu (tương đương bậc 2 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam)

Học phần tiếng Anh 1 giúp người học phát triển khối kiến thức cơ bản nhất về ngữ pháp, từ vựng, chức năng, phát âm và các kỹ năng khác thông qua các hoạt động giao tiếp phù hợp. Mô hình bài học thực tế và thực hành các hoạt động giao tiếp hàng ngày sẽ trang bị cho sinh viên khả năng sử dụng ngôn ngữ trong thế giới thực.

Các bài học về phương pháp nghiên cứu tình huống được thiết kế chi tiết giúp sinh viên hiểu được cách viết email tốt hơn.

Từ vựng được giới thiệu theo từng chủ đề, đa dạng, phong phú, đặc biệt chú trọng nhấn mạnh phần Trọng tâm ngôn ngữ của từng bài.

8. Tiếng Anh 2

Số TC: 4

- *Phân bố thời gian học tập*: 4(48,24,120)

- *Học phần tiên quyết*: Điểm TOEIC đầu vào ≥ 275

- *Học phần học trước*: Tiếng Anh 1

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần tiếng Anh 2 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ bản trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần rèn luyện đồng đều cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ A2 theo khung tham chiếu Châu Âu (tương đương bậc 2 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam)

Học phần tiếng Anh 2 giúp người học phát triển các khối kiến thức cơ bản nhất về ngữ pháp, từ vựng, chức năng, phát âm và các kỹ năng khác thông qua các hoạt động giao tiếp phù hợp. Mô hình bài học thực tế và thực hành các hoạt động giao tiếp hàng ngày sẽ trang bị cho sinh viên khả năng sử dụng ngôn ngữ trong thế giới thực.

Các bài học về phương pháp nghiên cứu tình huống được thiết kế chi tiết giúp sinh viên hiểu được cách viết email tốt hơn.

Từ vựng được giới thiệu theo từng chủ đề, đa dạng, phong phú, đặc biệt chú trọng nhấn mạnh phần Trọng tâm ngôn ngữ của từng bài.

9. Tiếng Anh 3

Số TC: 4

- *Phân bố thời gian học tập*: 4(48,24,120)

- *Học phần tiên quyết*: Tiếng Anh 1, Điểm TOEIC đầu vào ≥ 350

- *Học phần học trước*: Tiếng Anh 1,2

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần tiếng Anh 3 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ bản trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần rèn luyện đồng đều cả bốn kỹ năng

nghe, nói, đọc, viết trình độ A2 theo khung tham chiếu Châu Âu (tương đương bậc 2 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam)

Học phần tiếng Anh 3 giúp người học phát triển các khối kiến thức cơ bản nhất về ngữ pháp, từ vựng, chức năng, phát âm và các kỹ năng khác thông qua các hoạt động giao tiếp phù hợp. Mô hình bài học thực tế và thực hành các hoạt động giao tiếp hàng ngày sẽ trang bị cho sinh viên khả năng sử dụng ngôn ngữ trong thế giới thực.

Các bài học về phương pháp nghiên cứu tình huống được thiết kế chi tiết giúp sinh viên hiểu được cách viết email tốt hơn.

Từ vựng được giới thiệu theo từng chủ đề, đa dạng, phong phú, đặc biệt chú trọng nhấn mạnh phần Trọng tâm ngôn ngữ của từng bài.

10. Tiếng Anh 4

Số TC: 4

- Phân bố thời gian học tập: 4(48,24,120)

- Học phần tiên quyết: Tiếng Anh 2, Điểm TOEIC đầu vào ≥ 425

- Học phần học trước: Tiếng Anh 1,2,3

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần tiếng Anh 4 là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức nâng cao, giúp sinh viên phát triển khả năng tư duy theo các chủ đề, khả năng tự học, tự nghiên cứu của sinh viên, tạo nền tảng cho việc phát triển nghề nghiệp tương lai. Học phần rèn luyện đồng đều cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ B1 theo khung tham chiếu Châu Âu (tương đương bậc 3 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam)

Học phần tiếng Anh 4 giúp người học phát triển các khối kiến thức nâng cao về ngữ pháp, từ vựng, chức năng, phát âm và các kỹ năng khác thông qua các hoạt động giao tiếp phù hợp.

Mô hình bài học thực tế giúp sinh viên phát triển kỹ năng giao tiếp như thuyết trình, hội họp, đàm phán, điện thoại và giao tiếp xã hội.

Các bài học về phương pháp nghiên cứu tình huống được thiết kế chi tiết giúp sinh viên tư duy và giải quyết vấn đề một cách chủ động.

Từ vựng được giới thiệu theo từng chủ đề, đa dạng, phong phú, đặc biệt chú trọng nhấn mạnh phần Ngữ pháp tổng hợp của từng bài.

11. Đại số tuyến tính

Số TC: 3

- Phân bố thời gian học tập: 3(33,24,90)

- Học phần tiên quyết: Không có

- Học phần học trước: Không có

- Tóm tắt nội dung học phần: Đại số tuyến tính là một trong những học phần bắt buộc của kiến thức giáo dục đại cương theo khung chương trình đào tạo. Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ sở về toán học làm nền tảng cho các môn học chuyên ngành về sau. Nội dung học phần được chia thành 5 chương với 2 tín chỉ (Chương 1: Ma trận và định thức; Chương 2: Hệ phương trình tuyến tính; Chương 3: Không gian véc tơ; Chương 4: Ánh xạ tuyến tính; Chương 5: Giá trị riêng, véc tơ riêng và dạng toàn phương).

11. Kỹ năng nhận thức bản thân

Số TC: 1

Phân bố thời gian học tập: 1(13, 4, 30)

- Học phần tiên quyết: Không có

- Học phần học trước: Không có

- Tóm tắt nội dung học phần

Kỹ năng nhận thức bản thân là học phần được giảng dạy cho sinh viên chuyên ngành kế toán. Học phần này được bố trí thực hiện sau các học phần kiến thức cơ sở. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản để nhận thức bản thân theo hướng khách quan như viết nhật ký, viết ra những mục tiêu, kế hoạch ưu tiên của mình, thực hiện việc tự phê bình mỗi ngày, luyện tập những thói quen tốt và tránh những quan niệm tiêu cực,...

12. Kỹ năng nghề nghiệp – DL lữ hành

Số TC: 1

- Phân bố thời gian học tập: 1(15, 0, 30)

- Học phần tiên quyết: Không có

- Học phần học trước: Không có

- Tóm tắt nội dung học phần: Kỹ năng mềm cho ngành du lịch là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chung của chuyên ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về các kỹ năng mềm cần có cho ngành du lịch nói chung, thông qua các bài giảng và tình huống thực tế. Việc phát triển kỹ năng mềm bên cạnh kiến thức về chuyên ngành giúp người học có thể phát triển khả năng ở mức tối đa, đem lại sự gắn kết giữa khách hàng và doanh nghiệp một cách hiệu quả.

13. Kỹ năng phỏng vấn xin việc

Số TC: 1

- Phân bố thời gian học tập: 1(15, 0, 30)

- Học phần tiên quyết: Không có

- Học phần học trước: Không có

- Tóm tắt nội dung học phần: Kỹ năng phỏng vấn và xin việc là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành kế toán và tài chính ngân hàng. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức của kỹ năng phỏng vấn và tìm việc hiệu quả như: (Khái niệm, tầm quan trọng, nguyên nhân, qui trình, nguyên tắc, yêu cầu, kỹ thuật viết CV, kỹ thuật trả lời câu hỏi, các dạng câu hỏi trong phỏng vấn) và các kỹ năng cơ bản gồm kỹ năng chuẩn bị hồ sơ và viết CV; Kỹ năng chuẩn bị cho bản thân khi phỏng vấn; kỹ năng trả lời câu hỏi hiệu quả; kỹ năng giải quyết vấn đề; kỹ năng giao tiếp; kỹ năng thuyết trình; kỹ năng giải quyết mâu thuẫn; kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tư duy sáng tạo; kỹ năng tự học, kỹ năng nghiên cứu vấn đề.

14. Kỹ năng giải quyết vấn đề và làm việc nhóm

Số TC: 2

- Phân bố thời gian học tập: 2(26,8,60)

- Học phần tiên quyết: Không có

- Học phần học trước: Không có

- Tóm tắt nội dung học phần: Kỹ năng giải quyết vấn đề và làm việc nhóm là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định và kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng quản lý - lãnh đạo nhóm; kỹ năng giao tiếp; kỹ năng thuyết trình; kỹ năng giải quyết mâu

thuần. Bao gồm các vấn đề cụ thể như: Khái niệm, phân loại, qui trình, nguyên tắc, yêu cầu, công cụ kỹ thuật, phương pháp làm việc.

15. Lịch sử văn minh thế giới

Số TC: 2

- Phân bố thời gian học tập: 2(26,8,60)

- Học phần tiên quyết: Không có

- Học phần học trước: Không có

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và hệ thống về lịch sử hình thành, quá trình phát triển và một số thành tựu nổi bật về văn hóa, khoa học - kỹ thuật... của các nền văn minh nổi bật thời kỳ cổ trung đại ở phương Đông như Ai Cập, Ấn Độ, Trung Hoa và ở phương Tây như Hy Lạp, La Mã, các nước Tây Âu. Từ những kiến thức nền tảng về lịch sử phát triển và sự tiến bộ của nhân loại giúp sinh viên có thái độ tích cực cầu tiến, phát huy khả năng sáng tạo, tăng cường niềm đam mê khám phá, trau dồi, tích lũy kiến thức, kỹ năng để thành công.

Bên cạnh đó, môn học này còn giúp hỗ trợ cho sinh viên hình thành và rèn luyện một số kỹ năng học tập tích cực như: kỹ năng tìm kiếm tài liệu tham khảo, kỹ năng thuyết trình trước đám đông, kỹ năng làm việc nhóm.

16. Cơ sở văn hóa Việt Nam

Số TC: 2

- Phân bố thời gian học tập: 2(26,8,60)

- Học phần tiên quyết: Không có

- Học phần học trước: Không có

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Cơ sở văn hóa Việt Nam được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hóa học và văn hóa Việt Nam, văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức đời sống tập thể, văn hóa ứng xử môi trường tự nhiên, văn hóa ứng xử môi trường xã hội. Học phần đồng thời giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm.

17. Giáo dục thể chất 1

Số TC: 1

Giáo dục thể chất 1 Số TC: 1 (0, 30, 30)

- Học phần tiên quyết: Không có

- Học phần học trước: Không có

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần giáo dục thể chất 1 (điền kinh 1) nằm trong phần môn học GDTC cơ bản. Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức: Lịch sử hình thành và phát triển môn điền kinh, thể dục cơ bản; kiến thức cơ bản về phòng tránh, xử lý chấn thương trong thể thao. Phương pháp, nguyên tắc tập luyện nội dung chạy ngắn. Kỹ năng vận động môn chạy ngắn (100m), thể dục tay không 45 động tác, bài tập hỗ trợ tiếp thu kỹ thuật chạy ngắn, phát triển thể lực; phát triển thể lực chung và chuyên môn chạy ngắn.

18. Giáo dục thể chất 2

Số TC: 1

- Phân bố thời gian học tập: Số TC: 1 (0, 30, 30)

- Học phần tiên quyết: Không có

- Học phần học trước: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần giáo dục thể chất 2 (điền kinh 2) nằm trong phần môn học GDTC cơ bản. Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức: Hiểu biết về tầm quan trọng của chạy bền đối với sức khỏe con người; kiến thức cơ bản về phòng tránh, xử lý những phản ứng sinh lý xấu khi tập luyện chạy bền. Phương pháp, nguyên tắc tập luyện chạy cự ly trung bình (800m-nữ, 1500m- nam). Kỹ năng vận động chạy cự ly trung bình, thể dục tay không 4 động tác, bài tập hỗ trợ tiếp thu kỹ thuật chạy cự ly trung bình, phát triển thể lực; phát triển thể lực chung.

19. Giáo dục thể chất 3

Số TC: 1

- *Phân bố thời gian học tập:* Số TC: 1 (0, 30, 30)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần giáo dục thể chất 3 (cầu lông 1) nằm trong phần tự chọn của môn học GDTC. Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức: Biết lợi ích tác dụng của tập luyện cầu lông, một số điều luật thi đấu cầu lông. Phương pháp, nguyên tắc tập luyện kỹ thuật cầu lông. Kỹ năng kỹ thuật đánh cầu bên phải, trái thấp tay, phát cầu trái tay, phát cầu thuận tay. Bài tập phát triển thể lực chung và chuyên môn trong tập luyện cầu lông. Học phần này là tiền đề để giảng dạy và học tập học phần giáo dục thể chất 4 (cầu lông 2).

20. Giáo dục thể chất 4

Số TC: 1

- *Phân bố thời gian học tập:* Số TC: 1 (0, 30, 30)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần giáo dục thể chất 4 (cầu lông 2) nằm trong phần tự chọn của môn học GDTC. Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức: Biết một số điều luật thi đấu cầu lông; chiến thuật đánh đơn, đôi trong thi đấu cầu lông; cách thức tổ chức thi đấu và trọng tài cầu lông. Kỹ năng kỹ thuật đập cầu chính diện, phong cầu. Bài tập phát triển thể lực chung và chuyên môn trong tập luyện cầu lông.

21. Giáo dục quốc phòng - HP1

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (37, 8, 90)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt nam là học phần bắt buộc, thuộc phần kiến thức chung nhằm trang bị những hiểu biết cơ bản về nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về quốc phòng và an ninh; truyền thống chống giặc ngoại xâm của dân tộc, lực lượng vũ trang nhân dân và nghệ thuật quân sự Việt Nam; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân, có kiến thức cơ bản, cần thiết về phòng thủ dân sự, kỹ năng quân sự; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ tổ quốc.

22. Giáo dục quốc phòng – HP2

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (22, 8, 60)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* HP1

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần được lựa chọn những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng, an ninh của Đảng và Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: Phòng, chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Học phần đề cập một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; phòng, chống vi phạm pháp luật về môi trường, an toàn giao thông, xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác, vi phạm pháp luật trên không gian mạng và an ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống.

23. Giáo dục quốc phòng – HP3

Số TC: 1

- *Phân bố thời gian học tập:* 1 (14, 16, 30)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* HP1 và HP2

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần 3. Quân sự chung gồm các nội dung: Các chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần; các chế độ nền nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại. Hiểu biết các quân, binh chủng trong quân đội; Điều lệnh đội ngũ từng người có súng; Hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự; Phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao và Ba môn quân sự phối hợp.

24. Giáo dục quốc phòng – HP4

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (15, 35, 60)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* HP1, HP2, HP3

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần gồm có lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho sinh viên một số kỹ năng cơ bản thực hành bắn súng tiểu liên AK và luyện tập bắn súng AK bài 1b; luyện tập ném lựu đạn bài 1; huấn luyện những động tác cơ bản chiến thuật chiến đấu bộ binh: các tư thế vận động trên chiến trường, cách quan sát phát hiện mục tiêu, lợi dụng địa hình, địa vật, hành động của cá nhân trong công sự, ngoài công sự trong chiến đấu tiến công và phòng ngự. Nội dung bao gồm: Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; ném lựu đạn bài 1; từng người trong chiến đấu tiến công; từng người trong chiến đấu phòng ngự.

Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp: 98TC

1. Kinh tế vi mô

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập:* 2(26, 8, 60)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Kinh tế vi mô là học phần cơ sở ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Tài chính – Ngân hàng. Học phần trang bị những kiến thức về kinh tế thị trường như cung - cầu hàng hóa; Lý thuyết về người tiêu dùng; Lý thuyết hành vi doanh nghiệp; Cạnh tranh và độc quyền; Thị trường các yếu tố sản xuất; Hạn chế của kinh tế thị trường và sự can thiệp của chính phủ.

2. Kinh tế vĩ mô

- *Phân bố thời gian học tập:* 2(26, 8, 60) Số TC: 2

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Kinh tế vĩ mô

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Kinh tế vĩ mô là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở của chương trình đào tạo đại học ngành Kế toán. Học phần trang bị cho sinh viên cơ sở lý thuyết và các phương pháp phân tích sự vận động của nền kinh tế tổng thể, bao gồm: những nguyên lý chung của kinh tế học; nghiên cứu các hoạt động của nền kinh tế dưới góc độ tổng thể; cách xác định những biến số kinh tế vĩ mô chủ yếu; phân tích sự biến động của nền kinh tế và các kiến thức ban đầu về các chính sách kinh tế vĩ mô.

3. Nguyên lý thống kê kinh tế (26,8,60)**Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập:* 2(26, 8, 60) Số TC: 2

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Kinh tế vi mô, xác suất thống kê

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Nguyên lý thống kê kinh tế là học phần nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành. Học phần là môn học nền tảng cho nghiên cứu trang bị những vấn đề lý luận về khoa học thống kê: nghiên cứu mặt lượng trong mối quan hệ với mặt chất của hiện tượng kinh tế xã hội số lớn gắn liền với các điều kiện không gian và thời gian cụ thể. Nội dung cơ bản của học phần là nghiên cứu quá trình tổ chức điều tra, tổng hợp số liệu, phân tích và dự đoán các hiện tượng kinh tế-xã hội.

4. Tài chính tiền tệ**Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(39, 12, 90) Số TC: 3

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô.

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần tài chính tiền tệ trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và tổng quát về Tài chính và tiền tệ; mối liên hệ tương quan trực tiếp giữa các khâu trong hệ thống tài chính bao gồm: Ngân sách nhà nước, tài chính doanh nghiệp, bảo hiểm, tín dụng và tài chính hộ gia đình và thông qua thị trường tài chính

5. Lý thuyết hạch toán kế toán**Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(39,12,90)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Kinh tế vi mô

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Lý thuyết hạch toán kế toán là học phần kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo đại học khối ngành kinh tế. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm, vai trò, yêu cầu, nhiệm vụ, nguyên tắc, đối tượng của kế toán. Đồng thời, học phần cũng nêu lên các phương pháp kế toán cơ bản như: Phương pháp chứng từ kế toán, phương pháp tài khoản kế toán, phương pháp tính giá, phương pháp tổng hợp cân

đổi và vận dụng các phương pháp kế toán vào quá trình hạch toán kế toán các hoạt động chủ yếu trong doanh nghiệp.

6. Quản trị học

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập*: 2(26,8,60)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Quản trị học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị, nhà quản trị, các kỹ năng quản trị, văn hóa tổ chức và môi trường quản trị, sự phát triển của các lý thuyết quản trị, các chức năng quản trị bao gồm hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra.

7. Thương mại điện tử

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập*: 2(26,8,60)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Tin ứng dụng trong du lịch là học phần chuyên ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.

Học phần ứng dụng công nghệ thông tin trong du lịch nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng tin học cần thiết để có thể khai thác thông tin du lịch và sử dụng một số phần mềm để trình bày các thông tin du lịch phục vụ công tác chuyên môn trong học tập và công tác sau này. Sau khi học xong học phần này, sinh viên phải nắm được những kiến thức và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong du lịch như khai thác nguồn thông tin trên mạng, phân tích và xử lý dữ liệu, trình bày các thông tin du lịch một cách khoa học và sinh động để phục vụ tuyên truyền quảng bá du lịch... Sinh viên có kỹ năng cài đặt, cấu hình phần mềm du lịch và lữ hành, thao tác các phân hệ của phần mềm du lịch và lữ hành.

8. Pháp luật kinh tế

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập*: 2(26, 8, 60)

- *Học phần tiên quyết*: Pháp luật đại cương

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Luật kinh tế là học phần cơ sở ngành của chương trình đào tạo đại học khối ngành kinh tế học phần này được bố trí giảng dạy sau học phần Pháp luật đại cương học phần trang bị cho người học những kiến thức về pháp luật trong hoạt động kinh doanh, bao gồm hai nội dung chính: Những vấn đề lý luận cơ bản về Luật kinh tế Việt Nam và việc áp dụng pháp luật kinh tế trong quản lý nền kinh tế và Những chế định cơ bản của Luật kinh tế Việt Nam: Pháp luật về chủ thể kinh doanh, pháp luật tài chính, pháp luật về hợp đồng, pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, pháp luật về phá sản và hoạt động thương mại theo quy định của pháp luật.

9. Marketing căn bản

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập*: 2(26,8,60)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô.

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Marketing căn bản là học phần thuộc khối kiến thức chung của ngành trong chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị kinh doanh và là môn cơ sở của khối ngành Kinh tế. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các nguyên lý Marketing và việc vận dụng vào thực tiễn kinh doanh, bao gồm: Tổng quan về Marketing, hệ thống thông tin và nghiên cứu marketing, các yếu tố môi trường tác động hoạt động marketing của doanh nghiệp, các yếu tố tác động đến hành vi tiêu dùng của khách hàng và cách ứng xử của doanh nghiệp trong việc xác định thị trường mục tiêu, định vị sản phẩm trên thị trường và đưa ra các quyết định marketing hỗn hợp nhằm phục vụ thị trường hiệu quả.

10 Kinh tế du lịch

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(39,12,90)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Kinh tế du lịch là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chung trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Học phần cung cấp những kiến thức khái quát về khoa học du lịch như: các khái niệm, lịch sử hình thành và phát triển du lịch; các xu hướng trong du lịch; điều kiện để phát triển du lịch; cùng những kiến thức nền tảng về kinh tế du lịch như: các biến số kinh tế cơ bản của ngành du lịch và kinh tế học về kinh doanh du lịch.

11. Địa lý du lịch

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(39,12,90)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Địa lý du lịch là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chung của ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về cung cấp cho người học những kiến thức về đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu địa lý du lịch; Các nhân tố ảnh hưởng tới sự hình thành và phát triển du lịch; Tổ chức lãnh thổ du lịch và các vùng du lịch của Việt Nam và thế giới.

12. Thống kê du lịch

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập*: 2(26,8,60)

- *Học phần tiên quyết*: Nguyên lý thống kê, Kinh tế du lịch

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần thống kê du lịch là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chung của ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành quản trị Du lịch và lữ hành. Học phần Thống kê du lịch giúp cho sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về thống kê tiềm năng du lịch, kết quả hoạt động du lịch, về cơ sở vật chất kỹ thuật, về lao động tiền lương, tài chính trong doanh nghiệp du lịch.

13. Luật du lịch

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(39,12,90)

- *Học phần tiên quyết:* Pháp luật đại cương

- *Học phần học trước:* Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần trang bị cho người học những nội dung cơ bản, có hệ thống những kiến thức về pháp luật trong hoạt động du lịch như các khái niệm, quy định về các loại hình kinh doanh du lịch, quy định để chứng nhận các điểm du lịch, tuyến du lịch, địa vị pháp lý của các loại hình doanh nghiệp du lịch, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể tham gia hoạt động du lịch, pháp luật về ký kết hợp đồng trong các hoạt động du lịch, các hình thức giải quyết tranh chấp trong hoạt động du lịch và những quy định của luật du lịch quốc tế.

14. Quản trị quan hệ khách hàng

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(39,12,90)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:*

15. Tin học ứng dụng trong du lịch

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập:* 2(26,8,60)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Tin ứng dụng trong du lịch là học phần chuyên ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.

Học phần ứng dụng công nghệ thông tin trong du lịch nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng tin học cần thiết để có thể khai thác thông tin du lịch và sử dụng một số phần mềm để trình bày các thông tin du lịch phục vụ công tác chuyên môn trong học tập và công tác sau này. Sau khi học xong học phần này, sinh viên phải nắm được những kiến thức và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong du lịch như khai thác nguồn thông tin trên mạng, phân tích và xử lý dữ liệu, trình bày các thông tin du lịch một cách khoa học và sinh động để phục vụ tuyên truyền quảng bá du lịch... Sinh viên có kỹ năng cài đặt, cấu hình phần mềm du lịch và lữ hành, thao tác các phân hệ của phần mềm du lịch và lữ hành.

16. Quản lý điểm đến du lịch

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(39,12,90)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Địa lý du lịch, Marketing du lịch

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Quản lý điểm đến du lịch là học phần lý thuyết bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hoạt động quản lý điểm đến du lịch, cách thức phân tích thực trạng điểm đến du lịch, xây dựng chiến lược phát triển điểm đến du lịch, định vị và xây dựng thương hiệu cho điểm đến du lịch, quản lý hoạt động marketing điểm đến du lịch, đảm bảo chất lượng trải nghiệm của du khách tại điểm đến du lịch. Trên cơ sở đó giúp cho người học có khả năng phát triển kiến thức và kỹ

năng trong quản lý điểm đến tại doanh nghiệp kinh doanh du lịch lữ hành hoặc cơ quan quản lý trong lĩnh vực du lịch.

17. Marketing du lịch

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(39,12,90)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Marketing du lịch nằm trong khối kiến thức chung của ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức chung về Marketing du lịch và việc vận dụng những kiến thức này trong lĩnh vực du lịch và khách sạn, cũng như cung cấp những kỹ năng cho người làm công tác marketing tại doanh nghiệp, từ công việc của nhà quản trị marketing tới các công việc trực tiếp như bán hàng, thực hiện các chương trình xúc tiến ; từ đó đưa ra các sản phẩm, thiết kế, các kênh phân phối cũng như hình thức quảng cáo và ứng dụng vào thực tế hoạt động Marketing du lịch.

18. Quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp du lịch và khách sạn

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(39,12,90)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Quản trị học

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Quản trị Nguồn nhân lực trong doanh nghiệp du lịch và khách sạn là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chung của ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản và những kỹ năng để thực hành quản trị nguồn nhân lực. Sau khi học xong, sinh viên sẽ có thể tuyển dụng nhân viên mới; đào tạo, phát triển, đánh giá kết quả làm việc và trả công cho người lao động; và duy trì một môi trường làm việc tốt cho cả đời sống người lao động và việc tăng năng suất lao động của công ty. Với hiểu biết đầy đủ về quản trị nguồn nhân lực, các nhà quản lý sẽ khai thác hiệu quả tất cả các nguồn lực khác trong một tổ chức.

19. Thực tập nghiệp vụ đại lý du lịch

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập:* 2(0,60,60)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Marketing du lịch, Địa lý du lịch, Quản trị kinh doanh lữ hành, Quản lý điểm đến du lịch

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Thực tập nghiệp vụ đại lý du lịch là học phần phát triển kỹ năng chuyên môn bắt buộc thuộc khối kiến thức thực tập chung của ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Học phần hệ thống hóa những kiến thức cơ bản về các tuyến điểm du lịch, tâm lý giao tiếp ứng xử trong du lịch, marketing du lịch, quản trị tài chính trong doanh nghiệp du lịch. Đồng thời, tổ chức cho sinh viên thực hành những nghiệp vụ liên quan đến các công việc chính của một nhân viên đại lý du lịch bao gồm: giao dịch với khách hàng và nhà cung cấp; tư vấn cho khách hàng về các lựa chọn khi đi du lịch, các chương trình du lịch trọn gói và tính giá; xúc tiến và bán các dịch vụ du lịch; thực hiện việc đặt giữ chỗ và điều phối các dịch vụ; xử lý các vấn đề phát sinh theo yêu cầu của khách; thực hiện giao dịch tài chính và cung cấp các tài liệu liên quan cho khách; lưu trữ

hồ sơ và chăm sóc khách hàng; giúp người học có khả năng ứng dụng vào thực tế để tránh bỏ lỡ khi đi làm tại các đại lý du lịch - lữ hành hoặc các cơ sở tương tự

20. Nghiệp vụ ăn uống

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập: 3(0,90,90)*

- *Học phần tiên quyết: Không có*

- *Học phần học trước: Không có*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần “Nghiệp vụ ăn uống” là học phần thực hành thuộc khối kiến thức chung của ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành trong chương trình đào tạo trình độ đại học. Học phần trang bị các kiến thức song song với thực hành các kỹ năng phục vụ ăn uống tại nhà hàng. Bao gồm: Vị trí của bộ phận phục vụ bàn trong nhà hàng; Những yêu cầu đối với nhân viên phục vụ bàn trong nhà hàng; Kỹ thuật phục vụ ăn uống trong nhà hàng, quầy bar; Xử lý tình huống phát sinh trong quá trình phục vụ khách hàng.

21. Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập: 3(0,90,90)*

- *Học phần tiên quyết: Không có*

- *Học phần học trước: Không có*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành quản trị lữ hành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về hướng dẫn du lịch bao gồm các vấn đề sau: Hướng dẫn du lịch và vị trí của hoạt động hướng dẫn du lịch; Những yêu cầu cơ bản đối với hướng dẫn viên du lịch; Những yếu tố tác động đến hoạt động hướng dẫn du lịch; Phương pháp hướng dẫn tham quan du lịch; Xử lý tình huống trong hướng dẫn du lịch.

22. Tổ chức và điều hành tour

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập: 3(39,12,90)*

- *Học phần tiên quyết: Không có*

- *Học phần học trước: Marketing du lịch, Quản trị kinh doanh lữ hành.*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Tổ chức và điều hành tour là học phần tự chọn theo định hướng, thuộc khối kiến thức chuyên ngành Quản trị lữ hành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về tổ chức và hoạt động của công ty du lịch; thiết kế và tổ chức tour du lịch; phương pháp định giá tour du lịch; hoạt động marketing và bán tour du lịch; công tác tổ chức thực hiện và điều hành tour du lịch nhằm giúp cho người học có khả năng phát triển kiến thức cũng như kỹ năng trong tổ chức và điều hành tour tại một công ty du lịch - lữ hành.

23. Quản trị dịch vụ vận chuyển du lịch

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập: 3(39,12,90)*

- *Học phần tiên quyết: Không có*

- *Học phần học trước: Không có*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần “Quản lý dịch vụ vận tải trong du lịch” giúp cho sinh viên có kiến thức về quản lý dịch vụ vận tải trong du lịch ở Việt Nam và một số nước trên thế giới; trang bị những kiến thức về khái niệm cơ bản của dịch vụ vận tải nói chung, dịch vụ vận

tài trong du lịch, kinh doanh dịch vụ vận tải du lịch, các loại hình dịch vụ vận tải, quyền sở hữu phương tiện vận tải và hiệu quả hoạt động kinh doanh vận tải, các dịch vụ và cơ sở vật chất trong kinh doanh vận tải, chất lượng dịch vụ vận tải như máy bay, tàu thủy, tàu hỏa, ô tô.

24. Nghiệp vụ lễ tân khách sạn

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập: 3(0,90,90)*

- *Học phần tiên quyết: Không có*

- *Học phần học trước: Không có*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Thực hành nghiệp vụ lễ tân khách sạn là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chung của chuyên ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về bộ phận lễ tân; mối quan hệ giữa các bộ phận và các công việc phải làm của bộ phận lễ tân từ lúc khách đặt phòng cho đến khi khách đến nhận phòng, lưu trú tại khách sạn và trả phòng; giải quyết phàn nàn của khách và đánh giá được hiệu quả hoạt động kinh doanh của bộ phận lễ tân nhằm giúp cho người học có khả năng phát triển kiến thức cũng như kỹ năng trong việc vận hành bộ phận lễ tân tại một khách sạn.

25. Kiến tập tour

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập: 3(0,180,90)*

- *Học phần tiên quyết: Không có*

- *Học phần học trước: Không có*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Kiến tập tour là học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo sinh viên ngành quản trị dịch vụ du lịch và khách sạn. Học phần này tạo điều kiện cho sinh viên đi thực tế ngay từ năm học đầu tiên, giúp sinh viên tiếp cận, quan sát tiếp thu, những nội dung chính mà ngành đào tạo như: Thiết kế tour, quản lý và điều hành tour; Thiết kế và quản trị sự kiện du lịch; Cơ cấu tổ chức và cách thức quản lý cơ sở lưu trú, khách sạn, các điểm đến, các kỹ năng nghiệp vụ về hướng dẫn du lịch ... Từ đó sinh viên có ngay định hướng và học tập tốt trong quá trình theo đuổi ngành học mình đã lựa chọn.

26. Tiếng Anh du lịch căn bản 1

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập: 3(39,12,90)*

- *Học phần tiên quyết: Không có*

- *Học phần học trước: Anh văn 2, Anh văn 3, Anh văn 4*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Tiếng Anh du lịch căn bản 1 là học phần tự chọn thuộc các học phần ngoại ngữ trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Học phần trang bị những từ vựng cấu trúc câu căn bản trong tiếng anh được sử dụng trong ngành du lịch và lữ hành. Phát triển khả năng nhận biết ngôn ngữ, xây dựng sự tự tin về các kỹ năng cần thiết cho Sinh viên. Từ đó giúp sinh viên dần hoàn thiện các kỹ năng ngôn ngữ thông qua tình huống thực tế phù hợp.

27. Tiếng Anh du lịch căn bản 2

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập: 3(39,12,90)*

- *Học phần tiên quyết: Không có*

- *Học phần học trước: Tiếng Anh du lịch căn bản 1*

- **Tóm tắt nội dung học phần:** Tiếng Anh du lịch căn bản 2 là học phần tự chọn thuộc các học phần ngoại ngữ trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Học phần trang bị những từ vựng cấu trúc câu căn bản trong tiếng anh được sử dụng trong ngành du lịch và lữ hành. Phát triển khả năng nhận biết ngôn ngữ, xây dựng sự tự tin về các kỹ năng cần thiết cho Sinh viên. Từ đó giúp sinh viên dần hoàn thiện các kỹ năng ngôn ngữ thông qua tình huống thực tế phù hợp.

28. Tiếng Trung 1

Số TC: 3

- **Phân bố thời gian học tập:** 3(39,12,90)

- **Học phần tiên quyết:** Không có

- **Học phần học trước:** Không có

- **Tóm tắt nội dung học phần:** Học phần tiếng Trung 1 rèn luyện đồng đều cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ dành cho người mới bắt đầu. Nội dung bao gồm các ngữ liệu ngôn ngữ (từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm,) và các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) cùng các tình huống giao tiếp cơ bản từ bài 1 đến bài 7 của Giáo trình Hán ngữ tập 1 quyển thượng.

Từ vựng: Sinh viên được trang bị một lượng từ mới về các chủ đề gần gũi với cuộc sống hàng ngày như cách chào hỏi, tạm biệt, hẹn gặp lại, nói về việc học tập, giới thiệu về người khác hay muốn hỏi ai đó đi đâu, ăn gì.

Ngữ pháp: Sinh viên sẽ được giới thiệu những cấu trúc ngữ pháp căn bản bao gồm danh từ số ít, số nhiều, sở hữu cách, tính từ, đại từ, động từ,.. và được cung cấp một hệ thống bài tập ứng dụng những cấu trúc đó.

Ngữ âm: Sinh viên sẽ được luyện tập phát âm chuẩn nhằm nâng cao năng lực về kỹ năng nghe và kỹ năng nói.

Kỹ năng đọc: Sinh viên được rèn Kỹ năng đọc thông qua các bài đọc ngắn đơn giản, các đoạn hội thoại liên quan đến vốn từ vựng và chủ đề cũng như cấu trúc ngữ pháp của học phần.

Kỹ năng nói: Trong học phần này, sinh viên sẽ được luyện tập kỹ năng nói với những nội dung cụ thể như kỹ năng hội thoại ngắn, miêu tả những chủ điểm gần gũi với cuộc sống hàng ngày như cách chào hỏi, tạm biệt, hẹn gặp lại, nói về việc học tập, giới thiệu về người khác hay muốn hỏi ai đó đi đâu, ăn gì... và các trò chơi ngôn ngữ.

Kỹ năng viết: Chương trình chú trọng đến khả năng viết đúng quy tắc, đúng bộ và cách phân bố các bộ trong một từ; biết viết các câu đơn giản trong giao tiếp hàng ngày cũng như trong miêu tả, biết sử dụng và dùng từ đúng ngữ pháp.

Kỹ năng nghe: Sinh viên được luyện tập nghe hiểu tìm thông tin chi tiết, nghe chọn câu trả lời Đúng/Sai, nghe điền vào chỗ trống. Các hình thức bài nghe đơn giản, thường là ở dạng hội thoại hoặc bài đọc ngắn.

Học phần giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm.

29. Tiếng Trung 2

Số TC: 3

- **Phân bố thời gian học tập:** 3(39,12,90)

- **Học phần tiên quyết:** Không có

- **Học phần học trước:** Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần tiếng Trung 2 rèn luyện đồng đều cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ sơ cấp. Nội dung bao gồm các ngữ liệu ngôn ngữ (từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm,) và các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) cùng các tình huống giao tiếp từ bài 8 đến bài 15 của Giáo trình Hán ngữ tập 1 quyển thượng

Từ vựng: Sinh viên được trang bị một lượng từ mới về các chủ đề gắn với cuộc sống hàng ngày như cách hỏi địa điểm, giới thiệu nơi học, nơi ở, cách miêu tả đồ vật, cách hỏi số người, hỏi giá tiền hay đổi tiền.

Ngữ pháp: Sinh viên sẽ được giới thiệu về trật tự ngữ pháp trong câu tiếng Hán, câu vị ngữ động từ, câu hỏi, câu vị ngữ hình dung từ, câu chính phủ, câu hỏi lựa chọn, câu hỏi tình lược, câu chữ “有” và được cung cấp một hệ thống bài tập ứng dụng những cấu trúc đó.

Ngữ âm: Sinh viên sẽ được luyện tập phát âm chuẩn nhằm nâng cao năng lực về kỹ năng nghe và kỹ năng nói.

Kỹ năng đọc: Sinh viên được rèn Kỹ năng đọc thông qua các bài đọc ngắn đơn giản, các đoạn hội thoại liên quan đến vốn từ vựng và chủ đề cũng như cấu trúc ngữ pháp của học phần.

Kỹ năng nói: Trong học phần này, sinh viên sẽ được luyện tập kỹ năng nói với những nội dung cụ thể như kỹ năng hội thoại ngắn, miêu tả những chủ đề gần gũi với cuộc sống hàng ngày như cách hỏi giá, cách đổi tiền, cách hỏi nơi ở, cách giới thiệu về bản thân, bạn bè, nói việc học tập và các trò chơi ngôn ngữ.

Kỹ năng viết: Chương trình chú trọng đến khả năng viết đúng chữ, biết sử dụng và dùng từ đúng ngữ pháp.

Kỹ năng nghe: Sinh viên được luyện tập nghe hiểu tìm thông tin chi tiết, nghe chọn câu trả lời Đúng/Sai, nghe điền vào chỗ trống. Các hình thức bài nghe đơn giản, thường là ở dạng hội thoại hoặc bài đọc ngắn.

Học phần đồng thời giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm.

30. Tiếng Hàn 1

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập:* **3(39,12,90)**

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Hàn ngữ rèn luyện cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ sơ cấp bậc 1 trong khung 6 bậc của chứng chỉ Topik. Nội dung bao gồm các ngữ liệu ngôn ngữ (từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm) và các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc viết) trong các tình huống giao tiếp trình độ sơ cấp từ bài 1 đến bài 8 giáo trình tiếng hàn tổng hợp dành cho người Việt.

31. Tiếng Hàn 2

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập:* **3(39,12,90)**

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Hàn ngữ rèn luyện cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ sơ cấp bậc 1 trong khung 6 bậc của chứng chỉ Topik. Nội dung bao gồm các ngữ liệu ngôn ngữ (từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm) và các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc viết)

trong các tình huống giao tiếp trình độ sơ cấp từ bài 9 đến bài 15 giáo trình tiếng hàn tổng hợp dành cho người Việt.

32. Tâm lý và giao tiếp trong du lịch

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập: 2(26,8,60)*

- *Học phần tiên quyết: Không có*

- *Học phần học trước: Không có*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Tâm lý và giao tiếp trong du lịch là học tự chọn thuộc khối kiến thức chung của ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị Du lịch và Lữ hành. Học phần cung cấp về những nội dung cơ bản và có hệ thống về tâm lý giao tiếp trong du lịch; các hiện tượng tâm lý xã hội tác động phổ biến trong du lịch; những nét đặc trưng tâm lý xã hội của khách du lịch; phương pháp giao tiếp với khách du lịch và phương pháp hướng dẫn khách du lịch. lý luận cơ bản về giao tiếp, phân tích mối quan hệ giữa người phục vụ và người tiêu dùng du lịch, giữa người tiêu dùng du lịch và cộng đồng dân cư địa phương. Tổ chức cho sinh viên thực hành các nhóm kỹ năng: xây dựng bài thuyết trình, lắng nghe, giao tiếp làm việc nhóm, đàm phán và thực chiến trong các tình huống kinh doanh khó.

33. Văn hóa du lịch

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập: 2(26,8,60)*

- *Học phần tiên quyết: Không có*

- *Học phần học trước: Không có*

- *Tóm tắt nội dung học phần:*

34. Văn hóa và nghệ thuật ẩm thực

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập: 2(26,8,60)*

- *Học phần tiên quyết: Không có*

- *Học phần học trước: Không có*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần văn hoá và nghệ thuật ẩm thực được thiết kế nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về tập quán và khẩu vị ăn uống của con người, những ứng xử, những tập tục kiêng kỵ của con người trong ăn uống... Bên cạnh đó, học phần còn giới thiệu đến sinh viên những phương thức chế biến, bày biện món ăn thể hiện giá trị nghệ thuật thẩm mỹ trong các món ăn, cách thức thưởng thức món ăn ở một số quốc gia trên thế giới. Đồng thời giúp người học nhìn nhận được vai trò, tầm quan trọng của văn hóa ẩm thực trong sự phát triển của ngành du lịch.

35. Hành vi tiêu dùng trong du lịch

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập: 2(26,8,60)*

- *Học phần tiên quyết: Không có*

- *Học phần học trước: Marketing du lịch*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Hành vi tiêu dùng trong du lịch là học phần tự chọn trong khối kiến thức chung ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành. Học phần cung cấp những kiến thức căn bản về hành vi tiêu dùng trong du lịch và khách sạn cũng như phân tích ảnh hưởng của các nhân tố văn hóa, xã hội và cá nhân tới hành vi khách hàng và các chiến lược Marketing của doanh nghiệp, từ đó nghiên cứu cách thức ra quyết định mua của người tiêu dùng.

36. Thực tập marketing trong doanh nghiệp du lịch và khách sạn

- *Phân bố thời gian học tập: 2(0,60,60)*

- *Học phần tiên quyết: Không có*

- *Học phần học trước: Không có*

- *Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Thực tập Marketing du lịch và khách sạn bao gồm các nội dung cơ bản sau:*

- Thực hành phân tích môi trường marketing của doanh nghiệp du lịch.
- Thực hành xác định phân đoạn thị trường tiềm năng của doanh nghiệp du lịch.
- Thực hành xây dựng chiến lược sản phẩm cho doanh nghiệp du lịch.
- Thực hành xây dựng chiến lược giá cho từng phân khúc sản phẩm cho doanh nghiệp du lịch.
- Thực hành xây dựng kênh phân phối cho sản phẩm du lịch.
- Triển khai quảng bá, xúc tiến hỗn hợp cho sản phẩm du lịch.

37. Thực tập khởi nghiệp trong du lịch và khách sạn

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập: 3(0,90,90)*

- *Học phần tiên quyết: Quản trị nhân lực trong du lịch khách sạn, Quản trị tài chính trong du lịch khách sạn, Marketing du lịch*

- *Học phần học trước: Không có*

- *Tóm tắt nội dung học phần: Thực tập khởi nghiệp trong du lịch và khách sạn là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chung của ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học của ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Đây là học phần thực hành hoạt động khởi nghiệp. Học phần hệ thống hóa những kiến thức cơ bản về xây dựng ý tưởng khởi nghiệp, lập các kế hoạch khởi nghiệp và giải quyết các tình huống trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp.*

38. Thực tập kinh doanh du lịch trực tuyến

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập: 3(0,90,90)*

- *Học phần tiên quyết: Không có*

- *Học phần học trước: Không có*

- *Tóm tắt nội dung học phần: Thực tập kinh doanh du lịch trực tuyến là học phần phát triển kỹ năng chuyên môn bắt buộc thuộc khối kiến thức chung của ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Học phần hệ thống hóa những kiến thức cơ bản cho sinh viên về kinh doanh sản phẩm du lịch trực tuyến thông qua Internet. Đồng thời, tổ chức cho sinh viên thực hiện những kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong kinh doanh du lịch như thiết kế web, sử dụng phần mềm phục vụ quảng bá du lịch, bán tour, đặt tour...*

39. Quản trị tài chính trong du lịch và khách sạn

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập: 3(39,12,90)*

- *Học phần tiên quyết: Không có*

- *Học phần học trước: Tài chính tiền tệ*

- *Tóm tắt nội dung học phần: Quản trị tài chính trong du lịch và khách sạn là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chung của ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về quản trị tài chính*

Bản mô tả CTĐT doanh nghiệp nói chung và các vấn đề của ngành du lịch khách sạn nói riêng. Bên cạnh các kiến thức về đặc điểm các nguồn vốn của doanh nghiệp, các phương thức huy động vốn, cơ cấu vốn và chi phí vốn, các quyết định đầu tư dài hạn của doanh nghiệp, phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp, các quyết định tài chính ngắn hạn của doanh nghiệp nói chung, học phần sẽ cung cấp những kiến thức về quản trị tài chính trong ngành du lịch và khách sạn nói riêng như: quản trị nội bộ khách sạn, quản lý tiền, quản lý sản phẩm và dịch vụ.

40. Quản trị rủi ro trong du lịch

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập: 3(39,12,90)*

- *Học phần tiên quyết: Không có*

- *Học phần học trước: Không có*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Quản trị rủi ro trong kinh doanh du lịch là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị Du lịch và lữ hành, Quản trị Du lịch – khách sạn. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về quản lý khủng hoảng trong ngành du lịch – khách sạn như: bảo vệ ngành du lịch, quản lý rủi ro đối với các khủng hoảng và thảm họa trong ngành du lịch, chiến lược giải quyết khủng hoảng và xử lý các sự cố, tình huống khẩn cấp. Từ đó, giúp người học có thể tham gia xây dựng thực hiện và quản lý những khủng hoảng diễn ra trong ngành du lịch – khách sạn, giúp cho doanh nghiệp phòng chống, ứng phó khi có rủi ro xảy ra.

Kiến thức chuyên sâu ngành : 26 TC

41. Quản trị kinh doanh lữ hành

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập: 3(39,12,90)*

- *Học phần tiên quyết: Không có*

- *Học phần học trước: Kinh tế du lịch*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần “*Quản trị Kinh doanh lữ hành*” nhằm giúp cho sinh viên có kiến thức về quản trị và kinh doanh lữ hành ở Việt Nam và một số nước trên thế giới. Trang bị những kiến thức về khái niệm, vai trò của lữ hành, sản phẩm của kinh doanh lữ hành, thị trường khách của hãng lữ hành; Xem xét mối quan hệ giữa các nhà cung cấp với doanh nghiệp lữ hành, cách thức đàm phán, làm việc với các đơn vị kinh doanh liên quan; Những nguyên tắc xây dựng mô hình tổ chức hãng lữ hành; Xu hướng phát triển của kinh doanh du lịch và lữ hành; Sản phẩm, thị trường của kinh doanh lữ hành, kinh doanh dịch vụ lữ hành ở Việt Nam; Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp lữ hành và các nhà cung cấp của doanh nghiệp lữ hành; Tổ chức xúc tiến hỗn hợp chương trình tour và thực hiện chương trình du lịch.

42. Tuyển điểm du lịch

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập: 3(39,12,90)*

- *Học phần tiên quyết: Không có*

- *Học phần học trước: Địa lý du lịch, Marketing du lịch*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Tuyển-điểm du lịch Việt Nam là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, đặc biệt thích hợp cho những sinh viên có khuynh hướng chọn hướng dẫn du lịch là công việc tương lai. Học phần cung cấp nhiều kiến thức địa lý, văn hoá, xã hội, lịch sử, môi trường du lịch cùng những vấn đề liên quan đến tuyển-điểm du lịch của Việt Nam

làm cơ sở để thiết kế các chương trình du lịch và phục vụ cho hoạt động thuyết minh hướng dẫn du lịch. Phân tích hiện trạng của tuyến du lịch về điều kiện tự nhiên, tài nguyên du lịch, các sản phẩm du lịch và những điểm du lịch chủ yếu của tuyến để xây dựng một tuyến điểm du lịch; Từ đó sinh viên có thể đề xuất những phương án thiết kế và tổ chức tour du lịch hay các hoạt động Marketing để xúc tiến phát triển du lịch tại tuyến du lịch mà mình lựa chọn

43. Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập: 3(39,12,90)*

- *Học phần tiên quyết: Không có*

- *Học phần học trước: Không có*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch là học phần lý thuyết tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành quản trị lữ hành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Học phần sẽ trang bị cho sinh viên các kiến thức tổng thể về quản trị chiến lược áp dụng trong các tổ chức du lịch; dựa trên kiến thức của nhiều học phần trong phần kiến thức cơ sở và kiến thức chung của ngành du lịch, sử dụng tổng thể các khái niệm, các nguyên lý nhằm phát triển khả năng xử lý các tình huống trong quản lý doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp trong ngành du lịch nói riêng.

44. Thực tập nghiệp vụ lữ hành

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập: 3(0,90,90)*

- *Học phần tiên quyết: Không có*

- *Học phần học trước: Không có*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần “Thực tập Nghiệp vụ lữ hành” là học phần phát triển kỹ năng chuyên môn thuộc khối kiến thức thực tập chuyên ngành Quản trị lữ hành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Vận dụng những kiến thức về Quản trị kinh doanh lữ hành; đồng thời tổ chức cho sinh viên thực tập những nội dung cơ bản như: Các nghiệp vụ về du lịch lữ hành; Xây dựng chương trình du lịch trọn gói; Tổ chức xúc tiến hỗn hợp, bán và thực hiện các chương trình du lịch, từ đó hình thành các kỹ năng quản lý và các kỹ năng tác nghiệp trong hoạt động kinh doanh lữ hành.

45. Thực tập cuối khóa

Số TC: 5

- *Phân bố thời gian học tập: 5(0,300,0)*

- *Học phần tiên quyết: Không có*

- *Học phần học trước: Không có*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Thực tập cuối khóa bao gồm các nội dung cơ bản sau:
* Sinh viên lựa chọn một doanh nghiệp du lịch hoặc khách sạn để thực tập. Sinh viên tìm hiểu sâu về hoạt động kinh doanh của đơn vị thực tập, phát hiện vấn đề thực tiễn và viết báo cáo thực tập tổng hợp, cụ thể những nội dung: xác định đặc điểm chung của doanh nghiệp (loại hình doanh nghiệp, sản phẩm dịch vụ du lịch, quy mô kinh doanh); mô tả cơ cấu tổ chức và đặc điểm của doanh nghiệp; đánh giá chung tình hình kinh doanh của doanh nghiệp hiện nay; mô tả và đánh giá các hoạt động quản trị của doanh nghiệp theo các chức năng tài chính, chất lượng, marketing, nhân lực và chiến lược của doanh nghiệp.

Kết thúc thời gian thực tập, sinh viên phải viết báo cáo thực tập cuối khóa về công tác quản trị tại đơn vị thực tập (có dấu xác nhận của đơn vị thực tập).

* Nội dung báo cáo thực tập cuối khóa gồm:

- TỔNG QUAN VỀ DOANH NGHIỆP “X”
- THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN TRỊ TẠI DOANH NGHIỆP “X”
- MỘT SỐ KIẾN NGHỊ VỀ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ TẠI DOANH NGHIỆP “X”

46. Khóa luận tốt nghiệp

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập: 9(0,540,0)*

- *Học phần tiên quyết:* Tích lũy đủ số lượng tín chỉ các học phần theo chương trình đào tạo của ngành quy định (không tính những tín chỉ học để lấy bằng hay chứng chỉ thuộc ngành khác).

+ Điểm trung bình chung tích lũy tính đến đầu học kỳ cuối cùng đạt từ 2,50 trở lên.

+ Tính cho đến thời điểm xét, sinh viên chưa lần nào bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

- *Học phần học trước:* Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Khóa luận tốt nghiệp là một công trình nghiên cứu khoa học được thực hiện nhằm chứng minh người học đã hội đủ kiến thức và khả năng giải quyết một vấn đề khoa học thuộc chuyên ngành quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Khóa luận được hoàn thành đúng quy định của quy chế đào tạo phải cho thấy những tri thức khoa học chuyên ngành liên quan đến vấn đề nghiên cứu mà những tri thức này được người học lĩnh hội trong quá trình học tập. Đồng thời người học phải cho thấy được khả năng vận dụng tri thức khoa học, những hiểu biết thực tiễn có liên quan, các kỹ năng thực hành nghề nghiệp chuyên sâu để giải quyết vấn đề nghiên cứu đã lựa chọn. Bên cạnh đó, quá trình tổ chức và thực thi việc nghiên cứu khoa học cho khóa luận cũng phản ánh tinh thần trách nhiệm, tính khoa học, tính tự chủ, tính sáng tạo và sự tự tin đối với chuyên môn ngành nghề của người học.

47. Du lịch sinh thái

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập: 3(39,12,90)*

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Quản trị chiến lược trong kinh doanh du lịch, Địa lý du lịch

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Du lịch sinh thái là học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp thuộc khối kiến thức chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Môn học này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về du lịch sinh thái và các loại hình du lịch sinh thái; sử dụng hợp lý tài nguyên trong việc phát triển du lịch sinh thái bền vững; những nguyên tắc, phương pháp và kỹ năng trong quy hoạch, thiết kế và quản lý các hoạt động du lịch sinh thái, trên phương diện kỹ thuật, kinh tế-xã hội và môi trường. Ngoài ra môn học còn cung cấp cho sinh viên kỹ năng làm việc tại các khu du lịch sinh thái, khu bảo tồn, vườn quốc gia...

48. Du lịch văn hóa

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập: 3(39,12,90)*

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần du lịch văn hoá được thiết kế nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về du lịch văn hoá như khái niệm, đặc trưng của du lịch văn hoá... Bên cạnh đó, học phần còn giới thiệu đến sinh viên những loại hình du lịch văn hoá

Bản mô tả CTĐT
đang được chú trọng ở một số quốc gia trên thế giới. Đồng thời giúp người học nhìn nhận được vai trò, tầm quan trọng của văn hóa Việt Nam trong sự phát triển của ngành du lịch.

49. Du lịch MICE

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập: 3(39,12,90)*

- *Học phần tiên quyết: Không có*

- *Học phần học trước: Marketing du lịch, Quản trị kinh doanh lữ hành, Quản lý điểm đến du lịch*

- *Tóm tắt nội dung học phần: Du lịch Mice là học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp chuyên ngành Du lịch lữ hành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Môn học Du lịch MICE là một trong những học phần liên quan đến việc tổ chức du lịch kết hợp hội nghị, hội thảo, triển lãm, du lịch khen thưởng của các công ty cho nhân viên và đối tác. MICE – viết tắt của Meeting (hội họp), Incentive (khen thưởng), Convention (hội nghị, hội thảo) và Exhibition (triển lãm). Tên đầy đủ Tiếng Anh là Meeting Incentive Conference Event.*

Học phần giới thiệu những kiến thức cơ bản về du lịch Mice và hoạt động tổ chức sự kiện: những khái niệm, đặc điểm, cách phân loại, môi trường và điều kiện phát triển du lịch Mice, tình hình hoạt động và quy trình tổ chức du lịch Mice, tổ chức sự kiện ở Việt Nam và thế giới. Từ đó giúp sinh viên có khả năng sáng tạo, thực hiện công tác tổ chức sự kiện và du lịch Mice trong thực tế.

50. Quản trị kinh doanh khách sạn

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập: 3(39,12,90)*

- *Học phần tiên quyết: Không có*

- *Học phần học trước: Không có*

- *Tóm tắt nội dung học phần: Quản trị kinh doanh khách sạn là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành du lịch khách sạn trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Học phần cung cấp những kiến thức khái quát về kinh doanh khách sạn, cơ sở vật chất kỹ thuật và quy trình đầu tư xây dựng khách sạn; cơ cấu tổ chức và quản trị nguồn nhân lực của khách sạn; quản trị hoạt động kinh doanh lưu trú và ăn uống của khách sạn. Đồng thời, học phần cũng cung cấp những kiến thức về Marketing trong kinh doanh khách sạn; quản trị chất lượng dịch vụ của khách sạn; phân tích kết quả kinh doanh và tài chính của khách sạn.*

51. Quản trị buồng khách sạn

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập: 3(39,12,90)*

- *Học phần tiên quyết: Không có*

- *Học phần học trước: Quản trị nhân lực trong du lịch, Quản trị tài chính trong du lịch, Quản trị kinh doanh khách sạn.*

- *Tóm tắt nội dung học phần: Quản trị buồng khách sạn là học phần lý thuyết tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành Du lịch khách sạn trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Dịch vụ Du lịch và lữ hành. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản liên quan đến quản trị tác nghiệp của bộ phận buồng phòng trong khách sạn như lập kế hoạch và quản lý nhân sự buồng phòng, quản lý cơ sở vật chất bên trong phòng khách sạn và các khu vực công cộng hay quản lý kinh doanh, quản lý chất lượng dịch vụ phòng; giúp sinh viên*

có thể phát triển kiến thức và kỹ năng trong quản lý điều hành tác nghiệp tại bộ phận buồng phòng của một khách sạn.

52. Quản trị kinh doanh nhà hàng

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập: 3(39,12,90)*

- *Học phần tiên quyết: Không có*

- *Học phần học trước: Quản trị học, Kinh tế du lịch*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Quản trị kinh doanh nhà hàng là học phần tự chọn theo định hướng, thuộc khối kiến thức chuyên ngành Quản trị khách sạn trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về quy trình hoạt động; nguyên tắc xây dựng và thiết kế thực đơn; quản trị nhân lực; quản trị hoạt động marketing và kiểm soát chất lượng dịch vụ của một nhà hàng nhằm giúp sinh viên có đủ kiến thức, kỹ năng để điều hành và quản lý hoạt động của một nhà hàng độc lập hoặc một nhà hàng, quầy bar ở khách sạn trong tương lai.

53. Thực tập nghiệp vụ khách sạn

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập: 3(0,90,90)*

- *Học phần tiên quyết:* Quản trị kinh doanh khách sạn, Nghiệp vụ lễ tân KS, Quản trị buồng khách sạn, Quản trị KD nhà hàng.

- *Học phần học trước: Không có*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần “Thực tập nghiệp vụ khách sạn” là học phần thực tập thuộc khối kiến thức chuyên ngành Quản trị khách sạn trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Học phần giúp sinh viên phát triển kỹ năng chuyên ngành khách sạn. Học phần hệ thống hóa những kiến thức khái quát về nghiệp vụ khách sạn, tổ chức kinh doanh lưu trú và kinh doanh ăn uống của khách sạn. Từ đó, sinh viên có thể hình thành và phát triển khả năng vận dụng các kiến thức chuyên môn, các phương pháp quản lý, xử lý tình huống, kỹ năng tác nghiệp vào hoạt động kinh doanh khách sạn thực tế tại các bộ phận lễ tân, buồng phòng, nhà hàng và quầy bar.

54. Quản trị khu nghỉ dưỡng/resort

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập: 3(39,12,90)*

- *Học phần tiên quyết: Không có*

- *Học phần học trước: Không có*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Quản trị resort là học phần chọn theo chuyên ngành khách sạn thuộc khối kiến thức các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp chuyên ngành du lịch khách sạn. Học phần trang bị cho Sinh viên những kiến thức về hoạt động quản lý và kinh doanh Khu nghỉ dưỡng (RESORT): Hoạch định các dịch vụ phục vụ, tổ chức các bộ phận đón tiếp, phục vụ ăn uống, nghỉ ngơi và vui chơi giải trí của du khách khi lưu trú tại Resort cũng như các vấn đề liên quan như nhân sự, giá cả và môi trường.

55. Quản trị an ninh, an toàn trong khách sạn

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập: 3(39,12,90)*

- *Học phần tiên quyết: Không có*

- *Học phần học trước: Không có*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Quản trị an ninh, an toàn trong khách sạn là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức thay thế khóa luận tốt nghiệp trình độ đại học chuyên ngành quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Học phần sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về an ninh, an toàn trong khách sạn, từ đó sinh viên hiểu và đảm bảo được những vấn đề liên quan đến sự an ninh, an toàn khi đi vào thực tiễn.

56. Quản trị chất lượng dịch vụ

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập:* **3(39,12,90)**

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Quản trị kinh doanh khách sạn

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Quản trị chất lượng dịch vụ là một trong 03 học phần lý thuyết thay thế khóa luận tốt nghiệp thuộc khối kiến thức chuyên sâu của ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chất lượng dịch vụ và quản trị chất lượng dịch vụ; Hoạch định, kiểm soát, cải tiến, hoàn thiện chất lượng dịch vụ; Nhân tố con người, văn hóa tổ chức trong quản trị chất lượng dịch vụ; Các tiêu chuẩn hệ thống quản trị chất lượng dịch vụ. Trên cơ sở đó, người học có khả năng vận dụng vào việc quản trị chất lượng dịch vụ trong doanh nghiệp khách sạn.

12. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

12.1. Đối sánh chuẩn đầu ra với Khung trình độ quốc gia Việt Nam

12.1.1. Chuẩn đầu ra theo khung trình độ quốc gia Việt Nam

Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ và trách nhiệm
KT1: Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo.	KN1: Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp.	TCTN1: Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.
KT2: Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.	KN2: Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.	TCTN2: Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.
KT3: Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.	KN3: Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.	TCTN 3: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.
KT4: Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể.	KN4: Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.	TCTN 4: Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ và trách nhiệm
KT5: Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.	KN5: Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.	
	KN6: Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.	

12.1.2. Đối sánh giữa Chuẩn đầu ra của CTĐT với khung trình độ quốc gia Việt Nam

Khung TDQG	Chuẩn đầu ra của CTĐT																					
	C Đ R 1	C Đ R 2	C Đ R 3	C Đ R 4	C Đ R 5	C Đ R 6	C Đ R 7	C Đ R 8	C Đ R 9	C Đ R 10	C Đ R 11	C Đ R 12	C Đ R 13	C Đ R 14	C Đ R 15	C Đ R 16	C Đ R 17	C Đ R 18	C Đ R 19	C Đ R 20	C Đ R 21	C Đ R 22
KT1						X	X	X	X	X												
KT2	X	X		X																	X	
KT3																			X			
KT4					X						X											
KT5					X																	
KN1											X	X	X	X	X							
KN2													X								X	
KN3																X						
KN4																	X					
KN5																X	X					
KN6			X																			
TCTN1																	X	X				X
TCTN2																					X	
TCTN3																					X	
TCTN4											X											

12.2. Đối sánh khung chương trình đào tạo

12.2.1. So sánh CTĐT với CTĐT tương ứng của Trường Đại học Kinh tế quốc dân

TT	Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (Ngành: Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành)			Đại học Kinh tế quốc dân (Ngành: Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành)		
	Học phần	Số TC	Tỷ lệ	Học phần	Số TC	Tỷ lệ
	1. Khối kiến thức giáo dục đại cương đại cương	38	28,47%	1. Khối kiến thức giáo dục đại cương	44	33,59%
	<i>1.1 Lý luận chính trị, xã hội, nhân văn</i>	<i>13</i>		<i>1.1 Lý luận chính trị, xã hội, nhân văn</i>	<i>14</i>	
1	Triết học Mac-Lênin	3		Triết học Mac-Lênin	3	
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	
3	CNXH khoa học	2		CNXH khoa học	2	
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
5	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2		Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	
6	Pháp luật đại cương	2		Pháp luật đại cương	3	
	<i>1.2. Kiến thức toán và khoa học cơ bản</i>	<i>2</i>		<i>1.2 Kiến thức toán và khoa học cơ bản</i>	<i>8</i>	
7	Đại số tuyến tính	2		Toán cho các nhà kinh tế	2	
				Tin học đại cương	3	
				Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	
	<i>1.3 Kiến thức Ngoại Ngữ</i>	<i>16</i>		<i>1.3 Kiến thức Ngoại Ngữ</i>	<i>9</i>	
8	Tiếng Anh 1	4		Tiếng Anh 1	3	
9	Tiếng Anh 2	4		Tiếng Anh 2	3	
10	Tiếng Anh 3	4		Tiếng Anh 3	3	
11	Tiếng Anh 4	4		-		
	2. Kỹ năng bổ trợ	7	5,15%	2. Kỹ năng bổ trợ	15	11,45%
12	Kỹ năng nhận thức bản thân	1		-		
13	Kỹ năng nghề nghiệp – DL lữ hành	1		-		
14	Kỹ năng phỏng vấn xin việc	1		-		
15	Kỹ năng giao tiếp và đàm phán	2		-		
16	Lịch sử văn minh thế giới	2		<i>Lịch sử văn minh thế giới</i>	3	

TT	Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (Ngành: Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành)			Đại học Kinh tế quốc dân (Ngành: Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành)		
	Học phần	Số TC	Tỷ lệ	Học phần	Số TC	Tỷ lệ
17	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2		Đại cương văn hóa Việt Nam	3	
	3. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	98	71,53%	3. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	87	66,41%
	3.1 Kiến thức cơ sở ngành	16	11,76%	3.1 Kiến thức cơ sở ngành	15	11,54%
	<i>Các học phần bắt buộc</i>	14				
18	Kinh tế vi mô	2		Kinh tế vi mô 1	3	ĐC
19	Kinh tế vĩ mô	2		Kinh tế vĩ mô 1	3	ĐC
20	Nguyên lý thống kê kinh tế	2		-		
21	Tài chính tiền tệ	3		Lý thuyết tài chính tiền tệ 1	3	
22	Lý thuyết hạch toán kế toán	3		Nguyên lý kế toán	3	
23	Quản trị học	2		Quản lý học 1	3	
24	<i>Thương mại điện tử</i>	2	<i>Chọn 1 trong 3 học phần</i>	-		
25	<i>Pháp luật kinh tế</i>	2		-		
26	<i>Marketing căn bản</i>	2		-		
	3.2. Kiến thức ngành	82	60,29%	3.2. Kiến thức ngành	72	54,96%
	3.2.1. Kiến thức chung của ngành	56	41,18%	3.2.1. Kiến thức chung của ngành	44	33,58%
27	Kinh tế du lịch	3		Kinh tế du lịch	3	
28	Địa lý du lịch	3		Địa lý du lịch	3	
29	Thống kê du lịch	2		<i>Thống kê du lịch</i>	3	
30	Luật du lịch	3		-		
31	Quản trị quan hệ khách hàng	3		<i>Quản trị quan hệ khách hàng</i>	3	
32	Tin học ứng dụng trong du lịch	2		Tin học đại cương	3	ĐCN
33	Quản lý điểm đến du lịch	3		<i>Quản trị điểm đến du lịch</i>	3	

TT	Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (Ngành: Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành)			Đại học Kinh tế quốc dân (Ngành: Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành)		
	Học phần	Số TC	Tỷ lệ	Học phần	Số TC	Tỷ lệ
34	Marketing du lịch	3		Marketing du lịch và khách sạn	3	
35	Quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp du lịch và khách sạn	3		Quản trị nhân lực	3	ĐCN
36	Thực tập nghiệp vụ đại lý du lịch	2		<i>Điều hành đại lý lữ hành</i>	3	
37	Nghiệp vụ ăn uống	3		-		
38	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	3		Hướng dẫn du lịch	3	
39	Tổ chức và điều hành tour	3		Thiết kế chương trình du lịch	3	
				Điều hành chương trình du lịch	3	
40	Quản trị dịch vụ vận chuyển du lịch	3		<i>Quản trị dịch vụ vận chuyển du lịch</i>	3	
41	Nghiệp vụ lễ tân khách sạn	3		Đề án ngành quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	2	
42	Kiến tập tour	3		Phát triển nghề nghiệp ngành du lịch và lữ hành	3	
	Các học phần (ngoại ngữ) tự chọn	6		Các học phần ngoại ngữ tự chọn	3	
43	<i>Tiếng Anh du lịch căn bản 1</i>	3		Tiếng Anh ngành du lịch và khách sạn	3	
44	<i>Tiếng Anh du lịch căn bản 2</i>	3		<i>Tiếng Trung</i>	3	
45	<i>Tiếng Trung 1</i>	3		<i>Tiếng Nga</i>	3	
46	<i>Tiếng Trung 2</i>	3		<i>Tiếng Pháp</i>	3	
47	<i>Tiếng Hàn 1</i>	3				
48	<i>Tiếng Hàn 2</i>	3				
	Các học phần bổ trợ tự chọn	5		Các học phần bổ trợ tự chọn	15	
49	<i>Tâm lý và giao tiếp trong du lịch</i>	2		<i>Tâm lý và giao tiếp trong du lịch</i>	3	
50	<i>Văn hóa du lịch</i>	2		<i>Phương pháp nghiên cứu kinh tế - xã hội</i>	3	

TT	Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (Ngành: Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành)			Đại học Kinh tế quốc dân (Ngành: Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành)		
	Học phần	Số TC	Tỷ lệ	Học phần	Số TC	Tỷ lệ
51	Văn hóa và nghệ thuật ẩm thực	2		Đạo đức trong kinh doanh du lịch và khách sạn	3	
52	Hành vi tiêu dùng trong du lịch	2				
53	Thực tập marketing trong doanh nghiệp du lịch và khách sạn	2		Quy hoạch và chính sách du lịch	3	
54	Thực tập khởi nghiệp trong du lịch và khách sạn	3		Khởi nghiệp trong du lịch và khách sạn	3	
55	Thực tập kinh doanh du lịch trực tuyến	3		Kinh doanh du lịch trực tuyến	3	
56	Quản trị tài chính trong du lịch và khách sạn	3		Quản trị tài chính trong du lịch và khách sạn	3	
57	Quản trị rủi ro trong du lịch	3				
58	Quản trị doanh thu khách sạn	3				
	3.2.2. Kiến thức tự chọn theo modul	26	19,12%	3.2.2. Kiến thức chuyên sâu của ngành	18	13,74%
	Modul 1: Quản trị lữ hành	26				
59	Quản trị kinh doanh lữ hành	3		Quản trị kinh doanh du lịch và lữ hành	3	
60	Tuyến điểm du lịch	3				
61	Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch	3		Quản trị chiến lược trong du lịch và khách sạn	3	
62	Thực tập nghiệp vụ lữ hành	3				
63	Thực tập cuối khóa	5				
64	Khóa luận tốt nghiệp/ Các học phần thay thế chuyên ngành du lịch lữ hành	9		Chuyên đề thực tập – QTĐV DL và lữ hành	10	
65	Du lịch sinh thái	3		Du lịch sinh thái	3	
66	Du lịch văn hóa	3		Du lịch văn hóa	3	
67	Du lịch MICE	3		Quản trị Du lịch MICE	3	
	Modul 2: Quản trị khách sạn	26		Không chia chuyên ngành		

TT	Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (Ngành: Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành)			Đại học Kinh tế quốc dân (Ngành: Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành)		
	Học phần	Số TC	Tỷ lệ	Học phần	Số TC	Tỷ lệ
68	Quản trị kinh doanh khách sạn	3				
69	Quản trị buồng khách sạn	3				
70	Quản trị kinh doanh nhà hàng	3				
71	Thực tập nghiệp vụ khách sạn	3				
72	Thực tập cuối khóa	5				
73	<i>Khóa luận tốt nghiệp/ Các học phần thay thế chuyên ngành khách sạn</i>	9				
74	<i>Quản trị khu nghỉ dưỡng/resort</i>	3				
75	<i>Quản trị an ninh, an toàn trong khách sạn</i>	3				
76	<i>Quản trị chất lượng dịch vụ</i>	3				
	Tổng tín chỉ CTĐT	136		Tổng tín chỉ CTĐT	131	

12.2.2. So sánh CTĐT với CTĐT tương ứng của Trường Đại học Thương mại(131 tín chỉ)

TT	Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (Ngành: Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành)			Đại học Thương Mại (Ngành: Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành)		
	Học phần	Số TC	Tỷ lệ	Học phần	Số TC	Tỷ lệ
	1. Khối kiến thức giáo dục đại cương	38	28.7%	1. Khối kiến thức giáo dục đại cương		
	<i>1.1 Lý luận chính trị, xã hội, nhân văn.</i>	<i>13</i>	<i>9.6%</i>	<i>1.1 Lý luận chính trị, xã hội, nhân văn.</i>	<i>20</i>	
1	Triết học Mac-Lênin	3		Triết học Mac-Lênin	3	
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	
3	CNXH khoa học	2		CNXH khoa học	2	
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
5	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2		Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	
6	Pháp luật đại cương	2		Pháp luật đại cương	2	

TT	Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (Ngành: Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành)			Đại học Thương Mại (Ngành: Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành)		
	Học phần	Số TC	Tỷ lệ	Học phần	Số TC	Tỷ lệ
	1.2. Kiến thức toán và khoa học cơ bản	2	1.47%	1.2 Kiến thức toán và khoa học cơ bản		
7	Đại số tuyến tính	2		Toán đại cương	3	
				Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
				Tin học quản lý	3	
	1.3 Kiến thức Ngoại Ngữ	16	11.8%	1.3 Kiến thức Ngoại Ngữ	6	
8	Tiếng Anh 1	4		Tiếng Anh 1	2	
9	Tiếng Anh 2	4		Tiếng Anh 2	2	
10	Tiếng Anh 3	4		Tiếng Anh 3	2	
11	Tiếng Anh 4	4				
	2. Kỹ năng bổ trợ	7	5.9%	2. Kỹ năng bổ trợ		
12	Kỹ năng nhận thức bản thân	1				
13	Kỹ năng nghề nghiệp – DL lữ hành	1				
14	Kỹ năng phỏng vấn xin việc	1				
15	Kỹ năng giải quyết vấn đề và làm việc nhóm	2				
16	Lịch sử văn minh thế giới	2				
17	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2				
	3. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	98	71.53%	3. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	91	
	3.1 Kiến thức cơ sở ngành	16		3.1 Kiến thức cơ sở ngành	29	
	Các học phần bắt buộc	14				
18	Kinh tế vi mô	2		Quản trị học	3	
19	Kinh tế vĩ mô	2		Tổng quan du lịch	2	
20	Nguyên lý thống kê kinh tế	2		Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	
21	Tài chính tiền tệ	3		Quản trị dịch vụ	3	

TT	Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (Ngành: Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành)			Đại học Thương Mại (Ngành: Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành)		
	Học phần	Số TC	Tỷ lệ	Học phần	Số TC	Tỷ lệ
22	Lý thuyết hạch toán kế toán	3		Tài nguyên du lịch	2	
23	Quản trị học	2		Tiếng Anh chuyên ngành 1	2	
				Tiếng Anh chuyên ngành 2	2	
				Thực tập nhận thức nghề nghiệp	8	
	Các học phần tự chọn Chọn 1 trong các học phần sau:	2				
24	Thương mại điện tử	2		Văn hóa du lịch	2	
25	Pháp luật kinh tế	2		Tâm lý quản trị kinh doanh	2	
26	Marketing căn bản	2		Thương mại điện tử căn bản	3	
				Nguyên lý quản lý kinh tế	3	
				Kinh tế học	3	
				Khởi sự kinh doanh	2	
				Tiếng Trung 1.1	2	
				Tiếng Pháp 1.1	2	
	3.2 Kiến thức ngành	82		3.2. Kiến thức ngành	45	
	Kiến thức bắt buộc	45		Kiến thức bắt buộc	27	
27	Kinh tế du lịch	3		Marketing du lịch	3	
28	Địa lý du lịch	3		Kinh tế du lịch	3	
29	Thống kê du lịch	2		Du lịch bền vững	2	
30	Luật du lịch	3		Quản trị tác nghiệp doanh nghiệp lữ hành	3	
31	Quản trị quan hệ khách hàng	3		Hướng dẫn du lịch	2	
32	Tin học ứng dụng trong du lịch	2		Thực tập nghiệp vụ dịch vụ du lịch và lữ hành	12	
33	Quản lý điểm đến du lịch	3		Thực tập quản trị tác nghiệp dịch vụ du lịch và lữ hành	12	

TT	Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (Ngành: Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành)			Đại học Thương Mại (Ngành: Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành)		
	Học phần	Số TC	Tỷ lệ	Học phần	Số TC	Tỷ lệ
34	Marketing du lịch	3		Quản trị lễ tân khách sạn	3	
35	Quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp du lịch và khách sạn	3		Quản trị khu nghỉ dưỡng	2	
36	Thực tập nghiệp vụ đại lý du lịch	2				
37	Nghiệp vụ ăn uống	3				
38	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	3				
39	Tổ chức và điều hành tour	3				
40	Quản trị dịch vụ vận chuyển du lịch	3				
41	Nghiệp vụ lễ tân khách sạn	3				
42	Kiến tập tour	3				
	Kiến thức tự chọn			Kiến thức tự chọn (SV tự chọn 05 học phần trong tổ hợp)	15	
	Các học phần (ngoại ngữ) tự chọn	6				
43	Tiếng Anh du lịch căn bản 1	3			3	
44	Tiếng Anh du lịch căn bản 2	3				
45	Tiếng Trung 1	3				
46	Tiếng Trung 2	3				
47	Tiếng Hàn 1	3				
	Tiếng Hàn 2	3				
	Các học phần bổ trợ tự chọn	5		Các học phần bổ trợ tự chọn	8	
	Tâm lý và giao tiếp trong du lịch	2		Tổ chức sự kiện du lịch	2	
	Văn hóa du lịch	2		Đào tạo và phát triển nhân lực	2	
	Văn hóa và nghệ thuật ẩm thực	2		Quản lý điểm đến du lịch	3	

TT	Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (Ngành: Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành)			Đại học Thương Mại (Ngành: Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành)		
	Học phần	Số TC	Tỷ lệ	Học phần	Số TC	Tỷ lệ
	Hành vi tiêu dùng trong du lịch	2		Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch	3	
	Thực tập marketing trong doanh nghiệp du lịch và khách sạn	2		Quản trị thương hiệu 1	3	
	Thực tập khởi nghiệp trong du lịch và khách sạn	3		Quản trị đa văn hóa	3	
	Thực tập kinh doanh du lịch trực tuyến	3		Quản trị buồng khách sạn	2	
	Quản trị tài chính trong du lịch và khách sạn	3		Quản trị chế biến món ăn	2	
	Quản trị rủi ro trong du lịch	3		Quản trị nhà hàng	3	
	Quản trị doanh thu khách sạn	3		Quản trị chiến lược	3	
	3.3. Kiến thức tự chọn theo modul			3.3. Kiến thức chuyên sâu (SV tự chọn 6 học phần trong tổ hợp)		
	Modul 1: Quản trị lữ hành	26			18	
	Quản trị kinh doanh lữ hành	3		Quản trị điểm đến du lịch	3	
	Tuyển điểm du lịch	3		Quản trị MICE	3	
	Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch	3		Du lịch văn hóa	3	
	Thực tập nghiệp vụ lữ hành	3		Du lịch sinh thái	3	
	Thực tập cuối khóa	5		Quản trị dịch vụ vận chuyển du lịch	3	
				Quy hoạch và chính sách du lịch	3	
				Quản trị quan hệ khách hàng	3	
				Ngoại ngữ 2 (Tiếng Pháp/Trung/Nga)	3	
	Khóa luận tốt nghiệp/ Các học phần thay thế chuyên ngành du lịch lữ hành	9		Khóa luận tốt nghiệp	10	
	Du lịch sinh thái	3				
	Du lịch văn hóa	3				

TT	Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (Ngành: Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành)			Đại học Thương Mại (Ngành: Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành)		
	Học phần	Số TC	Tỷ lệ	Học phần	Số TC	Tỷ lệ
	Du lịch MICE	3				
	Modul 2: Quản trị khách sạn	29				
	Quản trị kinh doanh khách sạn	3				
	Quản trị buồng khách sạn	3				
	Quản trị kinh doanh nhà hàng	3				
	Thực tập nghiệp vụ khách sạn	3				
	Thực tập cuối khóa	5				
	Khóa luận tốt nghiệp/ Các học phần thay thế chuyên ngành khách sạn	9				
	Quản trị khu nghỉ dưỡng/resort	3				
	Quản trị an ninh, an toàn trong khách sạn	3				
	Quản trị chất lượng dịch vụ	3				
	Tổng tín chỉ CTĐT	136		Tổng tín chỉ CTĐT	131	

13. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

13.1. Nguyên tắc chung

- Hướng đào tạo: Chương trình đào tạo được xây dựng theo hướng ứng dụng, do vậy khi thực hiện chương trình cần chú ý:

- ✓ Theo hướng ứng dụng nhiều hơn hướng tiềm năng.
- ✓ Kiến thức cơ sở được rút gọn ở mức độ hợp lý.
- ✓ Khối kiến thức ngành sẽ được tăng lên, chủ yếu ở phần thực hành.

- Các căn cứ khi thực hiện chương trình:

+ Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

+ Theo Khung trình độ Quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 do Chính phủ ban hành;

+ Theo Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

+ Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

+ Theo Quyết định 392/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 10 tháng 9 năm 2021 của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp;

Và các quy định khác của Nhà nước về lĩnh vực đào tạo; các quy định hiện hành trong nhà trường: chế độ công tác giáo viên, quy định về tiêu chuẩn, quyền hạn, nhiệm vụ và hình thức xử lý đối với cán bộ, giáo viên.

- Nội dung khi thực hiện chương trình: Các phòng, khoa, tổ bộ môn phải thực hiện đúng theo chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần đã được duyệt. Nếu có những nội dung cần phải thay đổi, phải đề nghị Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Kế hoạch đào tạo và phân công giáo viên lên lớp: Phải được bố trí hợp lý về chuyên môn, theo đặc thù từng ngành, từng đơn vị và phải được Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Các Khoa, Tổ bộ môn xây dựng đầy đủ bài giảng, ngân hàng dữ liệu đề thi cho toàn bộ các học phần và tổ chức giảng dạy theo các phương pháp mới, tích cực hoá các hoạt động của sinh viên, hướng dẫn sinh viên tự đọc, nghiên cứu tài liệu.

13.2. Kế hoạch đào tạo

- Toàn bộ chương trình được thực hiện trong 4 năm, chia thành 8 kỳ học. Mỗi năm học được chia thành 2 học kỳ và có thể tổ chức học tập thêm trong kỳ nghỉ hè cho một số sinh viên nếu xét thấy cần thiết:

○ Học kỳ I bao gồm các nội dung:

- Sinh hoạt chính trị đầu năm: 1 tuần.
- Học tập: 15 tuần
- thi học kỳ, dự trữ:

○ Học kỳ II bao gồm các nội dung:

- Nghỉ tết: 2 tuần.

- Sinh hoạt lớp, LD công ích: 1 tuần.
- Học tập: 15 tuần
- Thi học kỳ, dự trữ:
- Thi lại của học kỳ I (Được tổ chức sau khi nghỉ tết khoảng 3 tuần)
- Học kỳ phụ bao gồm các nội dung:
 - Nghỉ hè.
 - Thi lại của học kỳ II (Được tổ chức ngay đầu kỳ nghỉ hè)
 - Tổ chức học bù, học phụ đạo, học vượt ...
 - Thi học kỳ phụ.

- Ngoài ra tùy theo tình hình Nhà Trường có thể mở thêm các kỳ học tăng cường, học cải thiện để đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên.

Chú ý:

- Học kỳ I năm học thứ nhất chỉ có 15 tuần (do thời điểm sinh viên vào khoá học muộn hơn so với thời điểm bắt đầu học kỳ I)
 - Học kỳ II năm học thứ tư không bố trí kỳ nghỉ hè, kế hoạch được tổ chức liên tục đến khi tốt nghiệp.
- Quy định thực hiện các học phần:
- Các học phần lý thuyết: Tại lớp học không quá 30 tiết/ tuần. Được chia thành các phần: Lý thuyết, Bài tập + Kiểm tra, Thực hành môn học.
 - Các học phần thực tập, bài tập lớn: Tại phòng thực hành của Nhà trường và các doanh nghiệp, thời gian không quá 40 giờ/ tuần.

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Trần Hoàng Long